

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026–2027

ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5–6 TUỔI

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-BGDĐT ngày 12/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Chương trình giáo dục mầm non thí điểm thực hiện từ năm học 2026–2027;

Căn cứ Công văn số 2595/BGDĐT-GDMN ngày 14/05/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn triển khai thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới năm học 2026–2027;

Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học 2026–2027 số 06 /KH-MNSC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Trường Mầm non Sơn Ca;

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, tổ khối Lá xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2026–2027 của tổ như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm độ tuổi và quy mô thực hiện

Độ tuổi mẫu giáo 5–6 tuổi gồm 10 lớp, tổng số 314 trẻ; trong đó nam 168 trẻ, nữ 146 trẻ; dân tộc thiểu số 98 trẻ; nữ dân tộc 48 trẻ; ăn bán trú 314 trẻ; trẻ cần hỗ trợ đặc biệt 01 trẻ.

Đội ngũ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ gồm 25 giáo viên. Trình độ chuyên môn: Đại học 25/25; Đảng viên: 17 đồng chí; Giáo viên là người dân tộc thiểu số: 03; dân tộc khác: 0

2. Thuận lợi

Đội ngũ giáo viên trong tổ cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ; có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ, có kinh nghiệm thực tiễn trong tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ 5–6 tuổi. Giáo viên có tinh thần đoàn kết, phối hợp, hỗ trợ nhau trong chuyên môn, thuận lợi cho việc cùng nghiên cứu, thống nhất cách thực hiện các yêu cầu của chương trình thí điểm theo Quyết định 388/QĐ-BGDĐT.

Tổ khối Lá thực hiện nhiệm vụ tại 03 điểm trường, trong đó 02 điểm trường có điều kiện tương đối thuận lợi về cơ sở vật chất và môi trường giáo dục. Nhà

trường quan tâm xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, tạo điều kiện để giáo viên tổ chức các hoạt động theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, khả năng khám phá và trải nghiệm của trẻ.

Trẻ 5–6 tuổi có nhu cầu vui chơi, khám phá và trải nghiệm phong phú; môi trường sống tại địa phương có nhiều yếu tố thực tế có thể khai thác làm nội dung và học liệu giáo dục. Tổ Lúa có khoảng 31% trẻ là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ tập trung chủ yếu ở điểm phân hiệu 2, có vốn sống, văn hóa và đặc điểm sinh hoạt đặc trưng, tạo điều kiện để giáo viên khai thác bối cảnh văn hóa địa phương, đời sống cộng đồng và trải nghiệm thực tế của trẻ trong tổ chức hoạt động giáo dục.

Việc triển khai chương trình thí điểm là cơ hội để giáo viên tiếp tục đổi mới tư duy và phương pháp tổ chức giáo dục, quan tâm hơn đến nhu cầu, khả năng và sự phát triển của từng trẻ, tăng cường hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành và vận dụng vào tình huống thực tế. Đặc điểm văn hóa địa phương cũng thuận lợi để xây dựng các nội dung giáo dục gần gũi, có ý nghĩa đối với trẻ.

3. Khó khăn

Tổ khối Lúa hoạt động tại 03 điểm trường, địa bàn phân tán, trong đó có điểm trường phân hiệu 2 thuộc vùng đặc biệt khó khăn. Điều này gây khó khăn nhất định trong việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, thống nhất nội dung và hỗ trợ giáo viên giữa các điểm trường.

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và học liệu tại điểm trường phân hiệu 2 còn hạn chế, chưa đồng bộ; ảnh hưởng nhất định đến việc xây dựng môi trường giáo dục phong phú và tổ chức một số hoạt động trải nghiệm, khám phá theo yêu cầu của chương trình.

Khoảng 31% trẻ là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, vốn tiếng Việt của một bộ phận trẻ còn hạn chế; khả năng nghe, hiểu, diễn đạt và tham gia các hoạt động bằng tiếng Việt chưa đồng đều. Điều này đặt ra yêu cầu giáo viên phải linh hoạt trong giao tiếp, tổ chức hoạt động và tăng cường tiếng Việt thông qua các tình huống, hoạt động và trải nghiệm thực tế, đồng thời quan tâm đến sự khác biệt về khả năng và nhu cầu của từng trẻ.

Chương trình thí điểm đặt ra yêu cầu giáo viên không chỉ thực hiện theo khuôn mẫu có sẵn mà phải chủ động nghiên cứu, lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế của từng lớp, từng điểm trường. Vì vậy, giáo viên cần tiếp tục nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch, quan sát, nhận diện nhu cầu và mức độ phát triển của trẻ, điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp.

Điều kiện kinh tế, nhận thức và khả năng phối hợp của cha mẹ trẻ không đồng đều; một số gia đình còn hạn chế về thời gian và điều kiện hỗ trợ trẻ tại nhà. Việc thống nhất giữa gia đình và nhà trường trong rèn luyện kỹ năng, tăng cường tiếng Việt và hình thành các thói quen, hành vi phù hợp cho trẻ còn gặp một số khó khăn.

III. MỤC TIÊU CHUNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC

1. Mục tiêu chung

Giáo dục trẻ 5–6 tuổi hướng tới sự phát triển toàn diện, hình thành nền tảng về sức khỏe, tình cảm – xã hội, ngôn ngữ, nhận thức và nghệ thuật; nuôi dưỡng sự tò mò, tự tin, khả năng hợp tác, sáng tạo, tự phục vụ, thích ứng và giải quyết những vấn đề đơn giản trong cuộc sống. Kế hoạch tạo cơ hội để trẻ chủ động tham gia, lựa chọn, đặt câu hỏi, thử nghiệm, chia sẻ ý tưởng và vận dụng kinh nghiệm trong môi trường an toàn, công bằng, tôn trọng sự khác biệt.

2. Phẩm chất, năng lực và các lĩnh vực phát triển

Thông qua toàn bộ chế độ sinh hoạt và các hoạt động giáo dục, trẻ được nuôi dưỡng 04 phẩm chất cốt lõi: Yêu thương, Tôn trọng, Trung thực, Trách nhiệm; phát triển 05 năng lực nền tảng: Giao tiếp, Hợp tác, Giải quyết vấn đề, Thích ứng, Tự lực. Việc hình thành phẩm chất và năng lực được tích hợp trong 05 lĩnh vực phát triển: Thể chất, Tình cảm – xã hội, Ngôn ngữ, Nhận thức, Nghệ thuật; không tách thành các bài học riêng.

3. Chuẩn bị chuyển tiếp vào lớp Một

Việc chuẩn bị cho trẻ vào lớp Một tập trung vào tâm thế, thói quen học tập tích cực, khả năng nghe hiểu và diễn đạt, hứng thú với sách – chữ viết, tư duy toán học trong tình huống đời sống, kỹ năng tự phục vụ và thích nghi với môi trường mới. Không tổ chức dạy trước nội dung của chương trình lớp Một hoặc biến hoạt động mầm non thành các giờ học theo kiểu tiểu học.

4. Yêu cầu xuyên suốt

Giáo dục về giới, quyền trẻ em, an toàn, bảo vệ bản thân, công bằng và giáo dục hòa nhập được tích hợp trong nhận biết bản thân, quan hệ xã hội, sinh hoạt, chơi và các tình huống thực tế. Tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử hoặc so sánh trẻ; phát hiện sớm biểu hiện khó khăn để phối hợp hỗ trợ và đồng thời tạo cơ hội cho trẻ phát huy sở trường, năng khiếu.

5. Nguyên tắc cụ thể hóa Yêu cầu cần đạt

Độ tuổi 5–6 tuổi là giai đoạn cuối mẫu giáo. Hệ thống 60 mục tiêu giáo dục năm học được xây dựng để tích hợp và bao phủ 131 Yêu cầu cần đạt cuối độ

tuổi/giai đoạn của Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm. Mã MT dùng để quản lý kế hoạch năm; mã YCCD gốc được giữ để đối chiếu trực tiếp. Mục tiêu giáo dục năm không thay thế YCCD của Chương trình; việc đánh giá căn cứ nhiều minh chứng trong hoạt động thực, theo dõi sự tiến bộ của từng trẻ và không tổ chức kiểm tra mang tính thi cử.

IV. PHÂN PHỐI THỜI GIAN VÀ TỔ CHỨC CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

1. Phân phối thời gian

Kế hoạch được bố trí trong 35 tuần thực học, gồm các mạch chủ đề mở gắn với đời sống, trải nghiệm và sự phát triển năng lực của trẻ. Thời gian thực hiện tuân thủ kế hoạch thời gian năm học của địa phương; các ngày nghỉ lễ, Tết thực hiện theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức chế độ sinh hoạt

Đón trẻ, chơi, thể dục sáng	Tổ chức linh hoạt; quan sát sức khỏe, cảm xúc; trò chuyện, lựa chọn góc chơi; hình thành nề nếp và vận động hằng ngày.
Hoạt động học/khám phá có chủ đích	Tổ chức chủ yếu thông qua chơi, trải nghiệm, tình huống, thảo luận, khám phá; thời lượng phù hợp khả năng tập trung của trẻ.
Chơi và hoạt động ở các khu vực/góc	Tăng cơ hội lựa chọn, hợp tác, sáng tạo, đóng vai, xây dựng, sách – chữ viết, nghệ thuật, khoa học và STEAM đơn giản.
Hoạt động ngoài trời	Vận động, quan sát thiên nhiên, lao động vừa sức, khám phá môi trường thật, trò chơi dân gian và trải nghiệm mở.
Ăn, ngủ, vệ sinh	Là nội dung giáo dục hằng ngày về dinh dưỡng, tự phục vụ, sức khỏe, an toàn, văn minh và trách nhiệm.
Hoạt động chiều và trả trẻ	Củng cố trải nghiệm, hoạt động theo ý thích, đọc sách, vận động nhẹ, nhận xét ngày, chuẩn bị ra về và phối hợp thông tin với gia đình.

V. NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN

1. Dinh dưỡng và tổ chức ăn

Nhà trường tổ chức bữa ăn theo thực đơn, khẩu phần và bảo đảm an toàn thực phẩm, đa dạng món ăn và phù hợp đặc điểm trẻ. Giáo viên chú trọng tạo cơ hội để trẻ nhận biết nhóm thực phẩm, thực phẩm có lợi và có hại, thực hiện hành vi văn minh trong ăn uống, tự phục vụ phù hợp, tham gia một số trải nghiệm chế biến đơn giản khi bảo đảm an toàn và biết thông báo với người lớn về thực phẩm

có nguy cơ gây dị ứng.

2. Ngủ, vệ sinh và chăm sóc sức khỏe

Tổ chức giấc ngủ trưa, vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường theo chế độ sinh hoạt của nhà trường. Trẻ được rèn rửa tay, rửa mặt, đánh răng, sử dụng nhà vệ sinh đúng cách, tự sắp xếp đồ dùng; nhận biết một số dấu hiệu thường gặp khi bị bệnh và biết nói với người lớn. Giáo viên theo dõi sức khỏe, chiều cao, cân nặng theo quy định và phối hợp gia đình khi cần hỗ trợ.

3. Bảo đảm an toàn

Giáo dục an toàn được thực hiện xuyên suốt trong mọi hoạt động, chú trọng nguy cơ từ giao thông, điện, lửa, nước, vật sắc nhọn, thuốc và hóa chất, khu vực cao, người lạ, lạc đường và vùng riêng tư. Trẻ được luyện nhận biết nguy cơ, nói “không”, tìm người lớn tin cậy, kêu cứu và giải thích ở mức đơn giản vì sao cần tuân thủ quy tắc an toàn.

VI. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ TỔ CHỨC GIÁO DỤC NĂM HỌC

Hệ thống gồm 60 mục tiêu giáo dục năm học được cụ thể hóa và tích hợp để bao phủ đầy đủ 131 Yêu cầu cần đạt cuối độ tuổi mẫu giáo 5–6 tuổi của Chương trình Giáo dục mầm non thí điểm. Mã MT01–MT60 dùng để quản lý và triển khai kế hoạch; các mã TC, TX, NN, NT, NgT là mã YCCD gốc của Chương trình, được giữ nguyên để truy xuất, đối chiếu và kiểm soát độ bao phủ YCCD.

Quy ước sử dụng trong bảng: CD1–CD10 là số thứ tự các chủ đề lớn. Một mục tiêu có thể được thực hiện qua nhiều chủ đề, thời điểm và hình thức; một hoạt động có thể đồng thời tạo cơ hội cho nhiều mục tiêu/YCCD. Nội dung, học liệu, hình thức và thời điểm được điều chỉnh theo kết quả quan sát trẻ nhưng không làm thay đổi bản chất mục tiêu và không làm giảm độ bao phủ YCCD.

Kế hoạch giáo dục được cấu trúc thành Bảng 6 cột chi tiết hóa toàn bộ 60 Mục tiêu giáo dục (MT01 - MT60) cuối độ tuổi Mẫu giáo 5-6 tuổi. Trong đó, Nội dung giáo dục và Hoạt động giáo dục được thiết kế rõ ràng, sâu kỹ, gắn với 04 phẩm chất cốt lõi và 05 năng lực nền tảng theo Quyết định 388/QĐ-BGDĐT.

1. Lĩnh vực Thể chất

Mã MT& Mã YCCD	Yêu cầu cần đạt	Nội dung	Hoạt động giáo dục	Phẩm chất & Năng lực hình thành (QĐ 388)	Dự kiến Chủ đề trong năm
-----------------------------------	------------------------	-----------------	---------------------------	---	---

MT01 (TC1.1, TC1.2, TC1.3, TC1.4, TC1.5)	Hứng thú, chủ động tham gia vận động; kiên trì hoàn thành nhiệm vụ; phối hợp với bạn; sẵn sàng thử thách; thử và điều chỉnh cách thực hiện vận động trong các trò chơi vận động tập thể.	Rèn luyện tinh thần hào hứng, chủ động và kiên trì trong các trò chơi vận động tập thể có tính thử thách tăng dần. Kỹ năng hợp tác nhóm, tự tin thử nghiệm và điều chỉnh chiến thuật/tao tác vận động khi gặp chướng ngại vật.	Thể dục sáng: Tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp theo nhạc sôi động hằng ngày. Hoạt động học: Tổ chức trò chơi liên hoàn Vượt chướng ngại vật, Rồng rắn lên mây, Chạy tiếp sức, tăng sức thử thách... Chơi ngoài trời: Trò chơi vận động tập thể, thi đấu kéo co, nhảy bao bố theo nhóm...	Phẩm chất: Trách nhiệm (kiên trì hoàn thành bài tập vận động, không bỏ cuộc giữa chừng); Tôn trọng (chấp nhận luật chơi, phối hợp với bạn). Năng lực: Tự lực (tự điều chỉnh tư thế, nỗ lực thực hiện); Hợp tác (phối hợp nhịp nhàng với nhóm); Thích ứng (chủ động tham gia trò chơi vận động mới).	CD1, CD2, CD8
MT02 (TC2.1, TC2.2)	Chủ động thực hiện và đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động thể chất và chế độ sinh hoạt khi có sự thay đổi; dễ dàng tham gia vào hoạt động thể chất với nhóm bạn chơi mới, môi trường mới.	Kỹ năng tự điều chỉnh tâm thế, thích ứng nhanh với sự thay đổi về địa điểm vận động (trong lớp, sân trường, bãi cỏ điểm lẻ), dụng cụ mới và bạn chơi mới. Duy trì nề nếp sinh hoạt tự giác, tích cực hằng ngày.	Đón/Trả trẻ & Sinh hoạt: Rèn nếp chuyển đổi trạng thái tĩnh - động linh hoạt. Hoạt động học: Tổ chức giao lưu vận động giữa các nhóm/lớp hoặc điểm trường chính - điểm lẻ. Chơi ngoài trời: Khám phá sân chơi mới, thay đổi quy tắc trò chơi dân gian để trẻ chủ động thích nghi.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tự giác duy trì nếp sinh hoạt khi chuyển môi trường). Năng lực: Thích ứng (duy trì tâm thế thoải mái, vui vẻ khi chuyển địa điểm/nhóm bạn); Tự lực (chủ động làm quen thiết bị mới).	CD1, CD2, CD10
MT03 (TC3.1)	Thực hiện được các vận động di chuyển trong điều kiện, yêu cầu khác nhau, thể hiện khả năng kiểm soát vận động, giữ thăng bằng ổn định khi di chuyển trên địa hình khác nhau, phối hợp thực hiện vận động; tăng tốc độ và sức bền.	Kỹ năng di chuyển kiểm soát: Đi kiềng gót, đi trên vạch kẻ/ghế thể dục; chạy thay đổi hướng/tốc độ zigzag, chạy chậm 80m bền bỉ. Bò bằng bàn tay và cùi chỏ, trườn sấp qua chướng ngại vật; bật xa 40-50cm, bật qua vạch, nhảy chụm tách chân.	Hoạt động học (Thể dục): Bài tập Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát, Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh, Bật xa 50cm, Trườn sấp chui qua cổng, chạy zích zắc qua các chướng ngại vật, chạy nhanh – chậm theo hiệu lệnh, chạy chậm liên tục 80m... Thể dục sáng & Chơi ngoài trời: Tập đi/chạy trên các đường hẹp, đường quanh co, leo đồi cỏ sân trường.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tự giác tập luyện nâng cao thể lực). Năng lực: Tự lực (kiểm soát tốt chuyển động cơ thể); Thích ứng (di chuyển linh hoạt trên các địa hình gồ ghề/hẹp khác nhau).	CD1, CD2, CD5, CD8
MT04 (TC3.2)	Thực hiện các vận động với dụng cụ, thiết bị, vận động với người khác, thể hiện khả năng kiểm soát và phối hợp vận động: đập và bắt bóng bằng 2 tay; ném và bắt bóng với giáo viên/bạn (cự ly 3m); ném trúng đích đứng	Kỹ năng phối hợp tay - mắt, kiểm soát lực và hướng ném/đập/bắt/đá bóng. Kỹ năng trèo lên xuống thang gióng, mô hình leo núi nhân tạo/thiết bị liên	Hoạt động học: Bài tập: Ném trúng đích đứng, đập và bắt bóng tại chỗ, tung bắt bóng với bạn cự ly 3m, đá bóng vào cầu môn. Chơi ngoài trời: Chơi với thiết bị vận động ngoài trời (thang leo, cầu trượt, đu	Phẩm chất: Trách nhiệm (giữ an toàn cho bản thân và bạn khi ném/đá bóng). Năng lực: Tự lực (ước lượng khoảng cách và điều khiển lực tay/chân); Hợp tác (bắt bóng nhịp nhàng cùng bạn chơi).	CD2, CD5, CD8

	xa 2m cao 1.5m; đá bóng đang lăn; trèo lên xuống mô hình vận động.	hoàn sân trường an toàn, nhịp nhàng.	quay), đá bóng tự do trên sân cỏ.		
MT05 (TC3.3, TC3.4, TC3.5)	Thực hiện các vận động tại chỗ và giữ thăng bằng tĩnh: đứng trên 1 chân tối thiểu 10 giây, xoay tròn tại chỗ và giữ thăng bằng khi dừng lại. Thực hiện liên mạch chuỗi 3-4 vận động. Vận dụng thành thạo vận động thô trong sinh hoạt.	Khả năng giữ thăng bằng tĩnh trong các tư thế phức tạp. Kỹ năng phối hợp liên hoàn chuỗi 3-4 vận động nối tiếp (Bật qua ô - Bò qua cổng - Tung bóng vào rổ). Vận dụng vận động thô bê/sắp xếp ghế học, dọn dẹp đồ chơi.	Hoạt động học: Bài tập tổng hợp liên hoàn 3-4 kỹ năng kết hợp trò chơi tương ứng Lao động tự phục vụ & Chơi góc: Trục nhật kê bàn ghế, bê khay ăn, thu dọn đồ chơi lớn sau giờ chơi.	Phẩm chất: Trách nhiệm (nỗ lực hoàn thành trọn vẹn chuỗi vận động phức tạp). Năng lực: Tự lực (giữ thăng bằng cơ thể); Giải quyết vấn đề (sắp xếp nhịp điệu vận động liên hoàn hợp lý).	CD2, CD7, CD8
MT06 (TC3.5)	Thực hiện thành thạo vận động thô trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày, lao động tự phục vụ và dọn dẹp.	Thực hành vận động thô khéo léo trong các sinh hoạt hằng ngày: tự bế/xách đồ dùng nhẹ cá nhân, di chuyển hàng lối cẩn thận, sắp xếp đồ dùng lớp học ngăn nắp.	Sinh hoạt hằng ngày: Tự chuẩn bị đồ dùng cá nhân trước/sau giờ ngủ, sắp xếp tủ balo dép. Lao động tự phục vụ: Tưới cây góc thiên nhiên, nhặt lá rụng ngoài sân, lau bàn sau giờ ăn.	Phẩm chất: Trách nhiệm (chủ động làm việc nhà trường, giữ dọn đồ dùng gọn gàng); Yêu thương (giúp đỡ bạn mang vác đồ nặng). Năng lực: Tự lực (thao tác vác/kê ghế tự giác); Hợp tác (cùng bạn khiêng bàn/khay đồ).	Xuyên suốt 10 CD
MT07 (TC4.1)	Thao tác với đồ vật, vật liệu đa dạng về chất liệu và kích cỡ, thể hiện khả năng kiểm soát, điều chỉnh tốt vận động cơ nhỏ, phối hợp tay - mắt: thao tác dễ dàng với đồ vật nhỏ, xếp, ghép, nặn, gắn dính, dán, đan, tết, cắt đường bao thẳng và cong, vẽ đa dạng các hình.	Phát triển cơ nhỏ bàn tay và ngón tay khéo léo: cắt kéo theo đường cong/ngoằn ngoèo, đan tết nan đơn giản, nặn chi tiết tinh xảo, buộc dây, gấp giấy gấp hình Origami. Kỹ năng phối hợp tay - mắt tinh tế trong tạo hình.	Hoạt động học (Tạo hình): Cắt dán tranh phong cảnh, nặn con vật chi tiết, đan tết thảm/vòng tay từ dây vải, gấp vương miện/máy bay. Chơi góc Nghệ thuật/Khám phá: Luồn dây giày, xâu hạt cườm nhỏ, làm đồ chơi từ nguyên liệu tái chế.	Phẩm chất: Trách nhiệm (cẩn thận, tỉ mỉ hoàn thành sản phẩm tạo hình). Năng lực: Tự lực (sử dụng kéo, bút, đất nặn thuần thục); Giải quyết vấn đề (tự điều khiển bàn tay để cắt/nặn đúng hình ý muốn).	CD1, CD3, CD4, CD6, CD7, CD10
MT08 (TC4.2)	Thực hiện được những hoạt động trong sinh hoạt, chơi, tập cần sự khéo léo của bàn tay, ngón tay với sự thành thạo, chủ động, độc lập.	Kỹ năng tự phục vụ nâng cao: Tự cài/cởi cúc áo nhỏ, kéo khóa áo khoác, buộc dây giày/dây khâu trang, gấp quần áo vuông vắn, sử dụng thuần thục	Sinh hoạt hằng ngày (Ăn, Mặc, Vệ sinh): Tự thay trang phục, tự xúc ăn bằng thìa/thìa gọn gàng, tự sắp xếp đồ dùng cá nhân ngăn nắp. Chơi góc Thực hành cuộc sống: Tập gấp quần áo, tập luồn buộc dây, xếp đồ dùng học tập.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tự chăm sóc bản thân, giữ gìn trang phục gọn gàng). Năng lực: Tự lực (tự thực hiện các thao tác cá nhân không cần cô làm giúp); Thích ứng (tự điều chỉnh trang phục phù hợp).	Xuyên suốt 10 CD

		bát, thìa, đĩa ăn cơm. Kỹ năng tự chuẩn bị và dọn dẹp học liệu gọn gàng.			
MT09 (TC5.1, TC5.2, TC5.3)	Thể hiện những nhận biết về dinh dưỡng: các nhóm chất dinh dưỡng (đạm, béo, bột đường, vitamin), phân biệt thực phẩm có lợi/có hại; thực hiện các hành vi văn minh trong ăn uống tự giác; ăn đa dạng thực phẩm, hạn chế ăn quà vặt.	Kiến thức 4 nhóm chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể 5-6 tuổi. Nhận diện thực phẩm an toàn, thực phẩm không tốt (nước ngọt có ga, bánh kẹo quá ngọt, đồ ôi thiu). Văn hóa ăn uống: Mời cô/bạn trước khi ăn, ăn hết suất, không rơi vãi, không nói chuyện khi miệng còn thức ăn.	Giờ ăn hằng ngày: Trò chuyện dinh dưỡng món ăn trong ngày, thực hành nề nếp ăn uống văn minh. Hoạt động học: Khám phá 4 nhóm chất dinh dưỡng, phân loại thực phẩm có lợi và có hại cho răng/sức khỏe. Chơi góc Nấu ăn: Xếp thực đơn cân đối dinh dưỡng cho gia đình.	Phẩm chất: Trách nhiệm (ăn uống lành mạnh bảo vệ sức khỏe); Tôn trọng (mời cô bạn trước khi ăn, tôn trọng công sức người nấu). Năng lực: Tự lực (tự xúc ăn hết suất); Thích ứng (vui vẻ ăn đa dạng các món ăn).	CD2, CD3, CD4
MT10 (TC5.4, TC5.5)	Tự làm được một số món ăn, đồ uống đơn giản và thu dọn sau khi hoạt động; chủ động nói với người lớn về món ăn mà mình bị dị ứng.	Kỹ năng chế biến món ăn đơn giản không dùng nhiệt: Bóc vỏ trứng luộc, vắt nước cam, làm salad hoa quả, vắt chanh, làm bánh mỳ kẹp. Ý thức tự bảo vệ: Nhận biết dị ứng thực phẩm cá nhân (hải sản, đậu xì, sữa...) và báo người lớn.	Hoạt động trải nghiệm: Bé làm đầu bếp nhí (pha nước cam, làm hoa quả dầm, bóc trứng luộc, cuốn phở cuốn). Sinh hoạt hằng ngày: Báo cho cô giáo/phụ huynh các món ăn bản thân bị dị ứng hoặc không ăn được.	Phẩm chất: Trách nhiệm (giữ vệ sinh tay và đồ dùng khi làm thức ăn); Trung thực (chủ động báo cho cô biết món mình bị dị ứng). Năng lực: Tự lực (tự làm món ăn đơn giản); Giao tiếp (nói rõ với người lớn về thực phẩm dị ứng).	CD2, CD3, CD6
MT11 (TC6.1, TC6.2, TC6.3, TC6.4)	Chủ động thực hiện thuần thực các hành vi vệ sinh cá nhân; biết mối quan hệ giữa luyện tập, giữ vệ sinh, phòng bệnh với sức khỏe; nhận ra biểu hiện bệnh; chủ động giữ vệ sinh môi trường xung quanh.	Thói quen vệ sinh tự giác: Rửa tay xà phòng đúng 6 bước, lau mặt, súc miệng nước muối, đánh răng sau ăn/trước ngủ. Hiểu mối quan hệ giữa tập thể dục + vệ sinh = cơ thể khỏe mạnh. Nhận biết dấu hiệu ốm (sốt, ho, đau đầu, mệt mỏi) và báo người lớn.	Sinh hoạt hằng ngày: Thực hành rửa tay, đánh răng, lau mặt tự giác trước/sau khi ăn và ngủ trưa. Hoạt động học: Học kỹ năng: Bảo vệ cơ thể khỏi dịch bệnh, nhận biết triệu chứng sốt/ho. Lao động tự phục vụ: Nhặt rác sân trường, lau chùi kệ đồ chơi lớp học hằng tuần.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tự giác vệ sinh cá nhân, giữ sạch môi trường chung); Yêu thương (nhắc nhở bạn cùng giữ vệ sinh). Năng lực: Tự lực (thực hiện thuần thực các bước vệ sinh cá nhân); Thích ứng (chủ động phòng bệnh khi thời tiết thay đổi).	Xuyên suốt 10 CD

		Ý thức bảo vệ môi trường: Nhặt rác, bỏ rác đúng nơi quy định.			
MT12 (TC7.1, TC7.2, TC7.3, TC7.4)	Nhận ra tình huống nguy hiểm và biết cách xử lý phù hợp; chủ động thực hành quy tắc an toàn (điện, lửa, nước sâu, người lạ, vùng riêng tư); xác định người giúp đỡ; tỏ thái độ không đồng tình với hành vi gây mất an toàn.	Quy tắc an toàn cá nhân: Tránh xa ổ cắm điện, bếp lửa, ao hồ sông suối, dụng cụ sắc nhọn. Kỹ năng tự vệ: Quy tắc 5 ngón tay bảo vệ vùng riêng tư, không đi theo/nhận quà người lạ, hô to 'Cứu cháu với' khi gặp nguy hiểm. Nhớ số điện thoại khẩn cấp (111, 114, 115) và nhớ SĐT bố mẹ.	Hoạt động học (Kỹ năng sống): Thực hành tình huống :Bé làm gì khi bị lạc?, quy tắc 5 ngón tay bảo vệ cơ thể, phòng tránh đuối nước và điện giật, ... Xem video tình huống mô phỏng và thảo luận nhóm về hành vi an toàn/nguy hiểm.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tuân thủ quy tắc an toàn bảo vệ bản thân); Tôn trọng (tôn trọng vùng riêng tư của mình và người khác). Năng lực: Giải quyết vấn đề (xử lý khi gặp tình huống nguy hiểm); Tự lực (nói KHÔNG với hành vi xâm hại); Thích ứng (bình tĩnh tìm người tin cậy giúp đỡ).	CD1, CD2, CD8, CD9

2. Lĩnh vực Tình cảm – Xã hội

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT13 (TX1.1, TX1.2, TX1.3)	Tự nhận diện đặc điểm bề ngoài, sở thích, khả năng của bản thân; thể hiện nhu cầu, khả năng bằng nhiều cách; thể hiện điều bản thân thích và không thích tự tin, rõ ràng.	Khả năng tự nhận thức bản thân: Nói rõ họ tên, ngày sinh, giới tính, sở thích đặc biệt, thể mạnh (vẽ đẹp, hát hay, chạy nhanh) và hạn chế của bản thân. Tự tin bộc lộ ý kiến, biết nói 'con thích/không thích' và đưa ra lý do phù hợp.	Trò chuyện đầu ngày: Hoạt động tự giới thiệu về tôi, chế tạo cuốn sách tất cả về tôi, ... Hoạt động học: Khám phá sự kỳ diệu của cơ thể tôi, vẽ chân dung bản thân và chia sẻ trước lớp. Chơi góc: Tự chọn góc chơi và vai chơi theo ý thích cá nhân.	Phẩm chất: Trung thực (đánh giá đúng thể mạnh và hạn chế của bản thân); Tôn trọng (tự tin vào giá trị bản thân, không tự ti). Năng lực: Tự lực (tự quyết định lựa chọn hoạt động); Giao tiếp (tự tin giới thiệu bản thân trước đám đông).	CD1, CD2
MT14 (TX2.1, TX2.2)	Nhận ra và gọi tên các cảm xúc của bản thân (vui, buồn, tức giận, sợ hãi, ngạc nhiên, xấu hổ...); sử dụng lời nói để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc, ý kiến của bản thân phù hợp.	Nhận diện 6 cảm xúc cơ bản và ngôn ngữ biểu đạt cảm xúc. Kỹ năng bộc lộ cảm xúc bằng lời nói hòa nhã, không dùng hành vi bạo lực (đánh bạn, đập đồ) khi tức giận.	Trò chuyện đầu ngày: Bảng kiểm đếm hôm nay cảm xúc của bé thế nào? Hoạt động học: Trò chơi xoay bánh xe cảm xúc, sắm vai tình huống thể hiện cảm xúc phù hợp. Đọc sách/kể chuyện: Thảo luận về cảm xúc của nhân vật trong tranh truyện.	Phẩm chất: Trung thực (bày tỏ đúng cảm xúc thật của bản thân, không giấu giếm gian dối). Năng lực: Giao tiếp (sử dụng ngôn ngữ bộc lộ cảm xúc rõ ràng); Thích ứng (gọi tên cảm xúc để bắt đầu điều chỉnh).	CD1, CD2, CD3

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT15 (TX2.3, TX2.4)	Nhận ra được cảm xúc, hành vi của bản thân có ảnh hưởng đối với người khác; điều chỉnh cảm xúc khi không được như ý muốn (hít thở sâu, đếm số, chờ lượt, chuyển hoạt động).	Hiểu được mối liên hệ: Lời nói/hành vi của mình khiến bạn vui hay tổn thương. Kỹ năng tự làm dịu cảm xúc tiêu cực: Hít thở sâu, ôm gối cảm xúc, đếm 1-10, tìm chỗ yên tĩnh trong lớp để bình tĩnh lại.	Sinh hoạt lớp & Giải quyết tình huống: Thảo luận: Khi con tức giận con nên làm gì?, ... Chơi góc: Thiết lập 'Góc bình yên' với gối ôm, sách truyện nhẹ nhàng để trẻ tự điều chỉnh cảm xúc khi cần. Rèn luyện kỹ năng chờ đến lượt trong trò chơi tập thể.	Phẩm chất: Tôn trọng (hiểu hành vi của mình ảnh hưởng bạn, không làm tổn thương bạn); Trách nhiệm (chịu trách nhiệm kiểm soát cơn giận). Năng lực: Thích ứng (tự điều chỉnh trạng thái tâm lý nhanh chóng); Giải quyết vấn đề (tìm cách xoa dịu cảm xúc).	CD1, CD2, CD3, CD4
MT16 (TX2.5, TX2.6)	Nhận lỗi và biết sửa lỗi; phản ánh đúng hành động của bản thân, kể lại sự việc đơn giản theo sự thật, dũng cảm trung thực.	Giá trị của sự trung thực: Dũng cảm nhận lỗi khi làm vỡ đồ/làm hỏng đồ chơi/làm bạn khóc. Kỹ năng chủ động xin lỗi chân thành và đề xuất cách khắc phục (cùng bạn dọn dẹp, đền đồ chơi khác). Kể lại sự việc đúng sự thật.	Sinh hoạt hằng ngày: Động viên, ghi nhận kịp thời khi trẻ tự giác nhận lỗi và sửa sai. Hoạt động học/Truyện kể: Kể chuyện, thảo luận về lòng trung thực. Trò chuyện cuối ngày: Góc: lời xin lỗi và cảm ơn chân thành.	Phẩm chất: Trung thực (nói đúng sự thật, không đổ lỗi cho người khác); Trách nhiệm (dũng cảm nhận lỗi và chủ động khắc phục hậu quả). Năng lực: Giao tiếp (nói lời xin lỗi chân thành, lịch sự); Giải quyết vấn đề (đề xuất cách khắc phục sai sót).	Xuyên suốt 10 CD
MT17 (TX3.1, TX3.2, TX3.3)	Nhận biết và ứng xử phù hợp với vị trí của trẻ trong gia đình, trường, lớp, cộng đồng; nhận biết vị trí mỗi thành viên; nhận biết một số ngày lễ, ngày hội truyền thống của gia đình, trường và cộng đồng nơi sinh sống.	Nhận thức vai trò: Con ngoan trong gia đình, học sinh gương mẫu lớp 5 tuổi, em bé ngoan trong xóm giềng. Hiểu ý nghĩa các ngày lễ lớn: Khai giảng 5/9, Ngày nhà giáo 20/11, Tết Trung thu, Tết Nguyên Đán, Ngày 8/3, Ngày 19/5.	Hoạt động học: Khám phá: Gia đình thân yêu của bé, mái trường mầm non Sơn Ca. Tổ chức sự kiện trải nghiệm: Làm thiệp tặng cô 20/11, làm mâm ngũ quả Tết Trung thu, trải nghiệm không gian Tết cổ truyền tại trường.	Phẩm chất: Yêu thương (thể hiện tình cảm với gia đình, cô giáo); Tôn trọng (giữ gìn nét đẹp văn hóa truyền thống). Năng lực: Thích ứng (hòa nhập không khí lễ hội); Giao tiếp (thưa gửi lễ phép trong các sự kiện).	CD1, CD3, CD6, CD10
MT18 (TX3.4, TX3.5)	Nhận biết được một số nghề quen thuộc của người thân; nhận biết một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội; bước đầu hình thành tình cảm biết ơn người lao động.	Hiểu biết về công việc, dụng cụ và sản phẩm của các nghề: Bác sĩ, Giáo viên, Công an, Thợ xây, Nông dân trồng cà phê/rau quả địa phương xã Đức An.	Hoạt động học (Khám phá xã hội): Tìm hiểu: Nghề nông tại xã Đức An, những người làm việc quanh bé. Chơi góc Phân vai: Đóng vai Bác sĩ khám bệnh, Cửa hàng nông sản, Kỹ sư xây dựng.	Phẩm chất: Tôn trọng (trân trọng mọi nghề nghiệp và người lao động); Yêu thương (biết ơn công sức tạo ra sản phẩm). Năng lực: Giao tiếp (sắm vai và trao đổi ngôn ngữ nghề nghiệp); Hợp tác (phối hợp các	CD4

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
		Ý thức trân trọng thành quả lao động và biết ơn người lao động.	Tham quan trải nghiệm: Trải nghiệm thực tế vườn rau/vườn cà phê gần trường.	vai chơi trong xã hội thu nhỏ).	
MT19 (TX4.1, TX4.2, TX4.3)	Chủ động làm quen, chơi cùng bạn; thể hiện phép lịch sự, ứng xử thân thiện với bạn bè và người khác; mạnh dạn, tự tin giao tiếp khi tham gia các hoạt động ở gia đình, trường, lớp và cộng đồng.	Kỹ năng giao tiếp xã hội: Chủ động đến bắt chuyện 'Cho mình chơi cùng với', sử dụng từ ngữ lịch sự 'Dạ, thưa, cảm ơn, xin lỗi, làm ơn'. Tự tin trả lời câu hỏi của khách đến thăm lớp, tự tin tham gia sự kiện đông người.	Hoạt động Đón/Trả trẻ: Rèn nếp chào hỏi lễ phép với cô, phụ huynh và bạn bè. Hoạt động học & Chơi nhóm: Đóng vai tình huống giao tiếp lịch sự nơi công cộng (trên xe bus, siêu thị, công viên). Tham gia các hoạt động văn nghệ, hội thi của nhà trường.	Phẩm chất: Tôn trọng (sử dụng ngôn từ lịch sự, lễ phép với người lớn và thân thiện với bạn). Năng lực: Giao tiếp (chủ động khởi xướng và duy trì cuộc trò chuyện); Thích ứng (tự tin giao tiếp trong môi trường đông người).	CD1, CD2, CD3, CD10
MT20 (TX4.4, TX4.5)	Hợp tác và duy trì mối quan hệ tích cực với bạn bè và người khác; thương lượng, giải quyết mâu thuẫn đơn giản với bạn bằng lời nói hòa nhã.	Kỹ năng hợp tác nhóm: Phân công nhiệm vụ, chia sẻ đồ chơi/học liệu, biết lắng nghe ý kiến bạn. Giải quyết mâu thuẫn bằng lời nói: Sử dụng mẫu câu 'Mình cùng chia nhau chơi nhé', 'Lần này bạn chơi trước, lần sau đến mình nhé'.	Chơi góc (Xây dựng, Phân vai): Thỏa thuận ý tưởng xây dựng công trình chung, phân vai chơi. Hoạt động học nhóm: Cùng nhau làm sản phẩm tạo hình lớn, hoàn thành bài tập nhóm toán/khoa học. Thảo luận quy tắc 'Hòa giải mâu thuẫn không dùng tay chân'.	Phẩm chất: Tôn trọng (lắng nghe và chấp nhận ý kiến của bạn chơi); Trách nhiệm (hoàn thành phần việc được phân công trong nhóm). Năng lực: Hợp tác (phối hợp hành động nhịp nhàng); Giải quyết vấn đề (thương lượng giải quyết mâu thuẫn không dùng bạo lực).	CD1, CD3, CD4, CD5, CD7, CD10
MT21 (TX5.1, TX5.2)	Nhận ra và gọi tên các cảm xúc của người khác; thể hiện tình cảm với người khác bằng nhiều cách khác nhau phù hợp hoàn cảnh.	Nhận biết cảm xúc của cô/bạn/người thân qua nét mặt, ánh mắt, cử chỉ và giọng nói. Kỹ năng bộc lộ sự quan tâm: Vỗ nhẹ vào vai an ủi khi bạn buồn, ôm ôm bạn, chúc mừng sinh nhật bạn, làm quà tặng mẹ.	Trò chuyện & Kể chuyện: Quan sát tranh ảnh/video nhận diện cảm xúc nhân vật và thảo luận cách giúp đỡ. Chơi góc: Làm quà tặng, viết thiệp/vẽ tranh gửi tặng người thân, bạn bè nhân dịp đặc biệt. Sinh hoạt hằng ngày: Hỏi thăm khi thấy bạn bị mệt hoặc nghỉ học mới đi học lại.	Phẩm chất: Yêu thương (thấu hiểu, đồng cảm và sẵn lòng giúp đỡ bạn mệt/buồn); Tôn trọng (không trêu chọc khi bạn gặp khó khăn). Năng lực: Giao tiếp (sử dụng lời nói an ủi, chân thành); Thích ứng (bộc lộ phản ứng tình cảm phù hợp).	CD1, CD2, CD3, CD6

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT22 (TX5.3, TX5.4, TX5.5)	Thể hiện sự quan tâm, cảm thông với người khác; nhận ra sự thay đổi cảm xúc của người khác; thể hiện sự lắng nghe và phản hồi tích cực trong giao tiếp.	Văn hóa lắng nghe: Nhìn vào mắt người nói, không ngắt lời người khác, gật đầu phản hồi hoặc đặt câu hỏi lại lịch sự. Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn (bạn ngã, bạn làm rơi đồ dùng).	Trò chuyện nhóm nhỏ: Thực hành kỹ năng 'Lắng nghe tích cực'. Hoạt động học/Sinh hoạt: Phân công đôi bạn cùng tiến giúp nhau cất đồ chơi, hướng dẫn bạn gấp áo. Đọc truyện tình cảm gia đình, tình bạn và rút ra bài học ứng xử.	Phẩm chất: Tôn trọng (kiên nhẫn lắng nghe người khác nói không chen ngang); Yêu thương (sẵn sàng giúp đỡ bạn mệt). Năng lực: Giao tiếp (phản hồi lễ phép, tích cực); Tự lực (kiểm soát hành vi tập trung lắng nghe).	Xuyên suốt 10 CD
MT23 (TX6.1, TX6.2)	Nhận biết quyền, bổn phận của bản thân và tôn trọng quyền của người khác; chấp nhận sự khác biệt của người khác (sở thích, ngoại hình, vùng miền, hoàn cảnh).	Hiểu quyền trẻ em cơ bản: Quyền được đi học, vui chơi, yêu thương, có ý kiến cá nhân. Bổn phận vâng lời ông bà cô giáo, giữ vệ sinh. Tôn trọng sự khác biệt: Không trêu chọc bạn bị khuyết tật, bạn người dân tộc thiểu số, bạn béo/gầy.	Hoạt động học (Kỹ năng sống): Tìm hiểu 'Quyền và bổn phận của bé', xem video 'Mỗi chúng ta là một bông hoa đặc biệt'. Trò chuyện hòa nhập: Tôn trọng tiếng mẹ đẻ và bản sắc văn hóa của trẻ em Dân tộc thiểu số tại các điểm trường xã Đức An.	Phẩm chất: Tôn trọng (chấp nhận và không trêu chọc sự khác biệt ngoại hình/văn hóa của bạn); Trách nhiệm (thực hiện đúng bổn phận con ngoan trò giỏi). Năng lực: Thích ứng (hòa nhập vui vẻ với bạn bè đa dạng).	CD2, CD3, CD10
MT24 (TX6.3, TX6.4, TX6.5)	Biết chia sẻ và giúp đỡ bạn trong các hoạt động; chờ đến lượt, phối hợp với bạn trong hoạt động nhóm; tìm kiếm sự giúp đỡ của người khác và giúp đỡ người khác khi cần thiết.	Kỹ năng xã hội cốt lõi: Tự giác nhường đồ chơi, nhường lượt chơi. Xếp hàng văn minh khi rửa tay, lấy cơm, lên xe. Biết nói 'Cô giúp con với' khi gặp việc quá sức và sẵn sàng kéo bạn đứng dậy khi bạn ngã.	Sinh hoạt hằng ngày: Xếp hàng chờ lượt vào nhà vệ sinh, lấy khay ăn, lấy nước uống. Chơi ngoài trời: Trò chơi dân gian yêu cầu xếp hàng lượt chơi (Đu quay, Cầu trượt, Ô ăn quan). Lao động nhóm: Cùng bạn di chuyển kệ đồ chơi nhẹ.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tuân thủ văn hóa xếp hàng, nhường nhịn bạn); Tôn trọng (kiên nhẫn chờ đến lượt mình). Năng lực: Hợp tác (chia sẻ đồ chơi cùng nhóm); Tự lực (chủ động tìm sự trợ giúp an toàn khi cần).	CD1, CD3, CD4, CD8, CD10
MT25 (TX7.1, TX7.2, TX7.3)	Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với tình huống, hoàn cảnh khác nhau; điều chỉnh một số hoạt động cá nhân theo thời gian biểu và điều kiện thời tiết; thực hiện một số kỹ năng, hành vi để thích nghi với môi trường chuẩn bị vào lớp Một.	Văn hóa nơi công cộng: Đi nhẹ nói khẽ trong thư viện/giờ ngủ, không hò reo nơi tôn nghiêm. Tự lập thích ứng Lớp 1: Tự ngồi học đúng tư thế 25-30 phút, tự chuẩn bị cặp sách/hộp màu, tuân thủ thời gian biểu giờ học/giờ chơi.	Hoạt động 'Mô phỏng giờ học Lớp 1': Rèn nếp giờ tay phát biểu, tư thế ngồi học, chú ý nghe giảng. Tham quan trải nghiệm: Tham quan Trường Tiểu học Đức An, giao lưu với học sinh Lớp 1. Sinh hoạt hằng ngày: Mặc trang phục ấm khi trời lạnh, đội mũ khi ra nắng.	Phẩm chất: Trách nhiệm (tự giác thực hiện nếp sinh hoạt học tập); Tôn trọng (giữ trật tự nơi công cộng). Năng lực: Thích ứng (sẵn sàng chuyển giao tâm thế từ Mầm non sang Tiểu học); Tự lực (tự chuẩn bị đồ dùng học tập).	CD1, CD8, CD10

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT26 (TX8.1, TX8.2, TX8.3)	Thực hiện quy định ở trường, lớp, gia đình, nơi công cộng; thực hiện hành động đơn giản chăm sóc vật nuôi, cây trồng gần gũi; có ý thức giữ gìn, bảo vệ và sống hài hòa với thiên nhiên, môi trường.	Ý thức chấp hành nội quy: Cất đồ chơi đúng nơi sau khi chơi, bảo vệ đồ dùng lớp học. Sống xanh & Bảo vệ môi trường: Tưới cây, nhặt lá khô, không hái hoa bẻ cành, tắt vòi nước khi rửa tay xong, tắt điện khi ra khỏi phòng.	Lao động tự phục vụ & Góc thiên nhiên: Chăm sóc 'Vườn rau của bé', cho cá/thỏ ăn hằng ngày. Hoạt động học (Khám phá): Bài học 'Tiết kiệm nước sạch và điện năng', 'Phân loại rác tái chế và rác hữu cơ'. Thực hành phân loại rác tại các điểm trường.	Phẩm chất: Trách nhiệm (có ý thức tiết kiệm điện nước, giữ vệ sinh trường lớp); Yêu thương (yêu quý cây xanh, thiên nhiên). Năng lực: Tự lực (tự giác cất đồ chơi đúng nơi quy định); Thích ứng (sống hài hòa với môi trường).	CD1, CD5, CD7, CD9

3. Lĩnh vực Ngôn ngữ

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT27 (NN1.1)	Chú ý nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói có 5 - 7 tiếng; chú ý lắng nghe phát âm, nhận ra âm vần tương đồng; nhắc lại trọn vẹn câu nói dài chính xác.	Kỹ năng thính giác ngôn ngữ: Phát hiện tiếng có âm vần giống nhau (ví dụ: 'lá - cá - đá'). Chú ý lắng nghe cô/bạn phát âm và nhắc lại chính xác câu phức dài 5-7 tiếng không bị đứt đoạn.	Trò chơi ngôn ngữ: Trò chơi 'Mìn nỏ' (tìm từ có âm vần giống nhau), 'Truyền tin' (nhắc lại câu dài). Hoạt động học (Chữ cái / Văn học): Luyện phát âm chuẩn các âm khó (r/z, l/n, ch/tr). Tăng cường giao tiếp Tiếng Việt hằng ngày cho trẻ em người dân tộc thiểu số.	Phẩm chất: Tôn trọng (chú ý tập trung lắng nghe khi người khác phát âm/nói). Năng lực: Giao tiếp (nghe rõ và nhắc lại chính xác câu Tiếng Việt); Tự lực (rèn luyện trí nhớ thính giác).	Xuyên suốt 10 CD
MT28 (NN1.2, NN1.3)	Trao đổi thông tin liên quan đến chủ đề hội thoại hoặc câu chuyện được nghe; thực hiện được hướng dẫn bằng lời nói trong các hoạt động hằng ngày liên tiếp 2-3 thao tác tự lực.	Kỹ năng nghe hiểu sâu: Trả lời đúng trọng tâm các câu hỏi 'Ai?', 'Cái gì?', 'Ở đâu?', 'Vì sao?', 'Như thế nào?' sau khi nghe kể chuyện/thảo luận. Thực hiện trơn tru chỉ dẫn 3 bước: 'Con hãy cất đồ chơi, rửa tay rồi vào bàn ăn'.	Hoạt động học (Văn học): Đàm thoại sâu về nội dung và ý nghĩa câu chuyện, trích dẫn lời nhân vật. Sinh hoạt hằng ngày: Phối hợp thực hiện các yêu cầu sinh hoạt 2-3 bước của cô giáo. Trò chuyện theo chủ đề hằng tuần.	Phẩm chất: Trách nhiệm (nghiêm túc thực hiện đúng và đủ các chỉ dẫn được giao). Năng lực: Giao tiếp (tra lời đàm thoại rõ ý); Thích ứng (thực hiện chính xác chuỗi thao tác học tập).	Xuyên suốt 10 CD

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT29 (NN2.1, NN2.2)	Nói rõ ràng, đủ ý khi thể hiện ý kiến, nhu cầu của bản thân; sử dụng được đa dạng từ loại, kiểu câu trong giao tiếp (câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định).	Phát âm rõ ràng, mạch lạc, không nói ngọng/nói lắp. Mở rộng vốn từ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động. Sử dụng linh hoạt câu ghép chỉ nguyên nhân - kết quả ('Vì... nên...'), điều kiện ('Nếu... thì...').	Trò chuyện đầu ngày / Trả trẻ: Chia sẻ về việc làm cuối tuần, miêu tả đồ chơi yêu thích. Hoạt động học: Miêu tả đặc điểm đồ vật/con vật; tập đặt câu hỏi suy luận 'Tại sao con lại nghĩ như vậy?'. Chơi góc: Đóng vai bán hàng, thuyết minh công trình xây dựng.	Phẩm chất: Trung thực (mô tả đúng sự thật đặc điểm đồ vật quan sát được). Năng lực: Giao tiếp (diễn đạt mạch lạc, sử dụng đúng ngữ pháp câu đơn/câu ghép); Giải quyết vấn đề (đặt câu hỏi khám phá bản chất).	Xuyên suốt 10 CD
MT30 (NN2.3, NN2.4)	Kể lại được câu chuyện hoặc sự việc theo đúng trình tự; kết hợp lời nói, cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt để thể hiện ý kiến, cảm xúc tăng sức truyền cảm.	Kỹ năng kể chuyện mạch lạc: Kể lại câu chuyện đã học hoặc sự việc trải qua theo đúng thứ tự (Đầu tiên -> Tiếp theo -> Cuối cùng). Ngôn ngữ phi ngôn ngữ: Sử dụng ánh mắt, nét mặt, điệu bộ tay mô phỏng nhân vật khi kể chuyện.	Hoạt động học (Văn học): Kể lại câu chuyện theo tranh minh họa/sơ đồ tư duy câu chuyện. Sinh hoạt lớp: Kể cho cô và các bạn nghe về chuyến đi chơi/trải nghiệm thực tế của gia đình. Chơi kịch: Nhập vai diễn xướng kết hợp cử chỉ mô phỏng.	Phẩm chất: Trung thực (kể đúng sự thật diễn biến sự việc đã trải qua). Năng lực: Giao tiếp (kể chuyện tự tin, truyền cảm, có logic đầu đuôi); Tự lực (tự nhớ và sắp xếp chuỗi sự kiện).	CD1, CD3, CD6, CD10
MT31 (NN2.5, NN2.6)	Sử dụng được các từ ngữ nghi thức phù hợp với tình huống và văn hóa; điều chỉnh ngữ điệu, âm lượng và tốc độ nói phù hợp với đối tượng, tình huống giao tiếp.	Văn hóa giao tiếp: Sử dụng xưng hô đúng mực ('Cháu chào cô ạ', 'Dạ thưa cô', 'Tớ cảm ơn bạn'). Kỹ năng điều chỉnh giọng nói: Nói nhỏ nhẹ trong giờ ngủ/thư viện, nói rõ ràng truyền cảm khi phát biểu trước lớp, không nói trống không.	Thực hành nề nếp văn minh trong mọi hoạt động hằng ngày. Hoạt động học/Góc kịch: Đóng vai tình huống giao tiếp lịch sự (Hỏi đường, Mua hàng, Nhận quà). Thảo luận quy tắc 'Âm lượng giọng nói trong lớp học'	Phẩm chất: Tôn trọng (nói năng lễ phép, điều chỉnh giọng nói không làm phiền người xung quanh). Năng lực: Thích ứng (Linh hoạt điều chỉnh âm lượng phù hợp không gian); Giao tiếp (ứng xử đúng nghi thức).	Xuyên suốt 10 CD
MT32 (NN3.1, NN3.2)	Kể về sự vật, hiện tượng hoặc kể lại câu chuyện bằng lời nói kết hợp cử chỉ điệu bộ theo cách riêng; thể hiện ngôn ngữ biểu cảm khi đọc thơ, kể chuyện, đóng kịch, biểu diễn nghệ thuật.	Sáng tạo ngôn ngữ: Tự nghĩ ra phần kết mới cho câu chuyện, đặt tên mới cho tác phẩm, bịa câu chuyện sáng tạo từ bức tranh ngẫu nhiên.	Hoạt động học (Văn học): Sáng tạo kết thúc mới cho câu chuyện 'Chú dê đen', 'Tích Chu'. Đọc thơ diễn cảm theo nhóm/cá nhân. Góc Sân khấu kịch / Múa rối: Tự nghĩ lời thoại diễn kịch rồi ngón tay.	Phẩm chất: Tôn trọng (tôn trọng ý tưởng sáng tạo khác biệt của bạn chơi). Năng lực: Giao tiếp (biểu cảm nghệ thuật qua giọng nói); Giải quyết vấn đề (sáng tạo kết thúc mới hợp lý cho câu chuyện).	CD3, CD5, CD6, CD10

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
		Đọc thơ diễn cảm, biết ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, thể hiện sắc thái vui/buồn/sôi động.			
MT33 (NN4.1, NN4.2, NN4.3)	Chủ động lựa chọn, xem sách và ấn phẩm; lắng nghe người lớn đọc sách với thái độ vui thích; giữ gìn và bảo vệ sách, ấn phẩm cẩn thận.	Tình yêu với sách: Tự giác tìm đến góc sách giờ chơi/giờ đón trả trẻ. Thích thú lắng nghe cô đọc sách truyện tranh. Ý thức bảo quản sách: Mở sách nhẹ nhàng, không xé/vẽ bầm lên sách, cất sách ngăn nắp đúng vị trí sau khi xem.	Góc Sách/Truyện lớp học: Xây dựng góc sách thân thiện, phong phú các thể loại sách tranh, truyện cổ tích. Giờ đọc sách cùng cô: Giáo viên đọc sách cho trẻ nghe hằng ngày trước giờ ngủ trưa hoặc giờ trả trẻ. Thực hành hướng dẫn trẻ kỹ năng lật mở và bảo quản sách.	Phẩm chất: Trách nhiệm (bảo vệ, giữ gìn sách báo học liệu); Tôn trọng (giữ trật tự cho người khác cùng đọc sách). Năng lực: Tự lực (tự lựa chọn sách và duy trì thói quen đọc sách độc lập).	Xuyên suốt 10 CD
MT34 (NN5.1, NN5.2)	Nhận biết được 29 chữ cái tiếng Việt và kí hiệu, biểu tượng quen thuộc trong cuộc sống; cầm và giở sách đúng cách, theo dõi nội dung sách theo chiều từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ đầu đến cuối sách.	Nhận diện trọn vẹn 29 chữ cái Tiếng Việt (chữ in hoa, in thường, viết thường) và chữ số. Nhận biết biểu tượng thông dụng (Biển báo giao thông, Lối thoát hiểm, Nhà vệ sinh Nam/Nữ, Ký hiệu cá nhân). Định hướng đọc sách chuẩn: Bìa sách -> Giở trang từ trái sang phải -> Đọc từ trên xuống dưới.	Hoạt động học (Làm quen chữ cái): Học 29 chữ cái qua các hoạt động học, trò chơi, khám phá, ... Môi trường chữ viết quanh lớp: Gọi tên các góc, tủ đồ bằng nhãn chữ cái in rõ ràng. Thực hành đọc sách chuẩn giờ hoạt động góc.	Phẩm chất: Trách nhiệm (ý thức học tập, giữ gìn tài liệu học tập). Năng lực: Tự lực (tự nhận diện chữ cái và giở sách đúng quy chuẩn); Thích ứng (làm quen với biểu tượng và chữ viết chuẩn bị vào Lớp 1).	Xuyên suốt 10 CD (Đặc biệt CD1, CD10)
MT35 (NN6.1, NN6.2)	Chủ động tham gia hoạt động vẽ, viết và duy trì tập trung khi thực hiện (10-15 phút); giữ gìn dụng cụ vẽ, viết trong quá trình sử dụng.	Hứng thú và sự kiên trì: Ngồi tập trung 10-15 phút để hoàn thành bức vẽ/trang tô chữ cái mà không chán nản. Giữ gìn đồ dùng học tập: Chuốt gọn bút chì, không đẽ gãy sáp màu, cất hộp màu gọn gàng sau giờ học.	Hoạt động học (Tạo hình, Tập viết): Thực hành vẽ tranh đề tài, tô đồ các nét chữ cái cơ bản. Chơi góc Nghệ thuật/Tập viết: Tự do sáng tác tranh, tô màu tranh dân gian, 'viết' thư gửi bạn. Rèn luyện tính kiên trì hoàn thành sản phẩm.	Phẩm chất: Trách nhiệm (kiên trì hoàn thành bài vẽ/viết, cất dọn ngăn nắp bút màu). Năng lực: Tự lực (tự tập trung thực hiện nhiệm vụ cá nhân không xao nhãng).	CD1, CD2, CD4, CD10

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT36 (NN7.1, NN7.2, NN7.3)	Nhận biết chữ viết có thể đọc và thay thế cho lời nói; sử dụng được bút chì, sáp màu kết hợp với giấy khi vẽ, viết; chép lại được tên của người hoặc đồ vật quen thuộc theo quy ước từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.	Nhận thức chức năng chữ viết: Chữ viết truyền tải thông tin ý nghĩa. Kỹ năng tư thế & cầm bút chuẩn: Cầm bút bằng 3 ngón tay (ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa), tay trái giữ giấy, lưng thẳng, khoảng cách mắt 25–30cm. Kỹ năng sao chép: Sao chép đúng tên bản thân, tên bạn, số điện thoại từ trái sang phải.	Hoạt động học (Làm quen chữ viết): Tô đồ các nét cơ bản (nét thẳng, nét móc, nét cong), sao chép tên riêng cá nhân vào bài vẽ/sản phẩm tạo hình. Chơi góc: Ký tên vào sản phẩm, làm thẻ tên cá nhân, gõ bàn phím giả định.	Phẩm chất: Trách nhiệm (rèn luyện tư thế ngồi và cầm bút chuẩn bảo vệ mắt/cột sống). Năng lực: Tự lực (tự sao chép đúng tên bản thân từ trái sang phải); Giao tiếp (dùng chữ viết để truyền tải thông điệp tên riêng).	CD1, CD2, CD10

4. Lĩnh vực Nhận thức

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT37 (NT1.1, NT1.2, NT1.3)	Hào hứng tham gia hoạt động trải nghiệm, khám phá con người, sự vật, hiện tượng xung quanh; đặt câu hỏi thể hiện mong muốn tìm hiểu; thể hiện sự thoải mái và sẵn sàng tham gia hoạt động khám phá.	Tinh thần tò mò khoa học: Hào hứng quan sát thế giới xung quanh, tích cực đặt câu hỏi 'Tại sao lá cây lại có màu xanh?', 'Vì sao lại có mưa?', 'Bánh xe hình gì thì lăn được?'. Thích thú tham gia thí nghiệm đơn giản.	Hoạt động học (Khám phá khoa học): Thí nghiệm 'Vật tan và không tan trong nước', 'Sự kỳ diệu của không khí', 'Sự đổi màu của hoa'. Dạo chơi ngoài trời: Quan sát sự phát triển của cây xanh sân trường, nhặt thu thập lá cây/sòi đá.	Phẩm chất: Trung thực (quan sát và ghi nhận đúng khách quan hiện tượng xảy ra). Năng lực: Giải quyết vấn đề (đặt câu hỏi giả thuyết khám phá); Giao tiếp (trao đổi về thắc mắc khoa học).	CD5, CD7, CD9
MT38 (NT2.1, NT2.2, NT2.3)	Lựa chọn sự vật, hiện tượng hoặc cách thức đơn giản để khám phá; kiên trì thực hiện hoạt động tìm hiểu, khám phá; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ và hợp tác cần thiết để thực hiện hoạt động khám phá.	Phương pháp khám phá chủ động: Tự chọn dụng cụ (kính phóng đại, thước đo, ống đếm) để soi lá cây/côn trùng. Kiên trì theo dõi thí nghiệm qua nhiều ngày (thí nghiệm gieo hạt nảy mầm). Biết trao đổi với bạn nhóm để hoàn thành bài tập.	Góc Khám phá khoa học/Thiên nhiên: Lắp đặt kính phóng đại, cân đĩa, ống nghiệm nhựa, bộ trồng cây mini. Hoạt động học nhóm: Cùng bạn thực hiện dự án nhỏ 'Làm khu vườn mini từ hạt đỗ'.	Phẩm chất: Trung thực (không gian dối kết quả thí nghiệm); Trách nhiệm (kiên trì đi đến cùng thử nghiệm). Năng lực: Tự lực (tự thao tác dụng cụ); Hợp tác (tìm kiếm sự hỗ trợ và làm việc nhóm); Giải quyết vấn đề (thử nghiệm cách làm mới).	CD5, CD7, CD9

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT39 (NT3.1)	Mô tả đặc điểm, tính chất, sự thay đổi của con người, sự vật, hiện tượng xung quanh bằng nhiều giác quan.	Kỹ năng quan sát đa giác quan: Sờ (nhấn/ráp, cứng/mềm), Ngửi (thơm/hắc), Nếm (chua/ngọt/mặn an toàn), Quan sát bằng mắt (màu sắc, hình dạng, kích thước). Nhận biết sự thay đổi: Nước đá tan thành nước liquid, hạt mầm lớn thành cây.	Hoạt động học (Khám phá): Bài học 'Khám phá 5 giác quan của bé', 'Sự phát triển của cây từ hạt', 'Sự biến đổi của nước'. Chơi góc Khám phá: Trò chơi 'Túi kỳ diệu' (đoán vật qua sờ nắn).	Phẩm chất: Trung thực (mô tả chính xác đặc điểm sự vật quan sát được). Năng lực: Giao tiếp (dùng từ ngữ chỉ đặc điểm để mô tả); Giải quyết vấn đề (so sánh sự thay đổi theo thời gian).	CD2, CD5, CD7, CD 9
MT40 (NT3.2, NT3.3)	Giải thích mối quan hệ đơn giản giữa con người, sự vật, hiện tượng; mô tả quá trình tạo ra sản phẩm quen thuộc.	Suy luận nguyên nhân - kết quả: Trời mưa làm đường ướt, không tưới nước cây sẽ bị héo, xe cộ chạy cần có xăng/điện. Mô tả quy trình tạo sản phẩm 3-4 bước: Các bước làm bánh mì kẹp, quy trình trồng và thu hoạch rau xanh.	Hoạt động học: Khám phá 'Mối quan hệ giữa thời tiết và trang phục', quy trình 'Từ hạt lúa đến hạt cơm'. Thực hành trải nghiệm: Xem video quy trình sản xuất đồ dùng và thực hành làm sản phẩm đơn giản theo từng bước.	Phẩm chất: Trách nhiệm (thực hiện đúng các bước quy trình đảm bảo an toàn và thành công). Năng lực: Giải quyết vấn đề (sắp xếp quy trình logic); Giao tiếp (thuyết minh các bước thực hiện).	CD4, CD7, CD9
MT41 (NT3.4, NT3.5)	Xác định được số lượng, hình dạng, kích thước của các đối tượng cụ thể; nhận ra và tiếp tục thực hiện một số quy tắc, mẫu lặp trong tự nhiên và đời sống.	Toán học thực tiễn: Đếm và tạo nhóm 10 đối tượng. Phân biệt khối hình không gian: Khối cầu, khối trụ, khối chữ nhật, khối lập phương. Nhận diện và tiếp tục thực hiện quy tắc lặp xen kẽ: 2 đối tượng, 3 đối tượng... (trên trang trí hoa văn, dải lụa).	Hoạt động học (Làm quen với Toán): Nhận biết khối cầu/khối trụ; xếp trang trí theo mẫu lặp lại cho trước. Chơi góc Toán/Học tập: Xâu chuỗi hạt theo quy tắc mẫu lặp, xếp hình khối tạo công trình.	Phẩm chất: Trung thực (đếm đúng, không đếm nhảy số). Năng lực: Giải quyết vấn đề (phát hiện ra quy tắc lặp ẩn sau chuỗi đối tượng); Tự lực (tự hoàn thành mẫu lặp).	CD1, CD4, CD6, CD8
MT42 (NT4.1, NT4.2)	So sánh điểm giống và khác nhau của 2 - 3 đối tượng; phân loại đối tượng dựa vào các dấu hiệu chung (theo 2 tiêu chí đồng thời).	Kỹ năng tư duy toán học: So sánh điểm giống/khác nhau của 3 con vật/3 hình khối. Phân loại 2 tiêu chí đồng thời: Chọn các hình 'vừa có màu đỏ VỪA là hình tròn', chọn các con vật 'vừa	Hoạt động học (Toán/Khám phá): Phân loại đồ dùng theo chất liệu và công dụng; so sánh kích thước 3 đối tượng (To nhất - Nhỏ hơn - Nhỏ nhất).	Phẩm chất: Trung thực (phân loại đúng theo tiêu chí khách quan). Năng lực: Giải quyết vấn đề (suy luận phân tích đối tượng theo 2 chiều tiêu chí cùng lúc).	CD4, CD5, CD7, CD 8

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
		sống dưới nước VỪA có vây'.	Chơi góc: Phân loại đồ chơi lớp học theo ngăn tủ quy định.		
MT43 (NT4.3)	Thu thập thông tin đơn giản và thể hiện kết quả bằng lời nói hoặc sản phẩm trực quan.	Kỹ năng điều tra/khảo sát đơn giản: Đếm số bạn nam/nữ đi học trong ngày, khảo sát món ăn hoa quả các bạn yêu thích. Biểu thị kết quả: Đánh dấu tích (x) vào bảng điểm danh, vẽ biểu đồ hình cột đơn giản thể hiện kết quả.	Hoạt động điểm danh hằng ngày: Bé tự cắm thẻ tên vào bảng nam/nữ. Hoạt động học (Toán/Dự án STEM): Khảo sát 'Phương tiện giao thông nào được các bạn lớp mình đi nhiều nhất?'.	Phẩm chất: Trung thực (ghi chép chính xác số liệu kiểm đếm thực tế). Năng lực: Hợp tác (cùng nhóm đi thu thập dữ liệu); Giải quyết vấn đề (chuyển đổi dữ liệu đếm thành bảng biểu trực quan).	CD1, CD4, CD7
MT44 (NT4.4)	Thực hiện đếm, tách - gộp, thêm - bớt, xác định số thứ tự các đối tượng trong phạm vi 10 và biểu thị kết quả.	Hình thành khái niệm số trong phạm vi 10: Đếm thành thạo 1-10, nhận biết chữ số 1-10. Thao tác tách - gộp: Tách nhóm 10 đối tượng thành 2 nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau (9-1, 8-2, 7-3, 6-4, 5-5) và gộp lại. Thao tác thêm - bớt trong phạm vi 10. Nhận biết số thứ tự: Thứ nhất, thứ hai... thứ mười.	Hoạt động học (Toán): 'Đếm đến 10, nhận biết số 10', 'Tách gộp nhóm 10 đối tượng', 'Thêm bớt trong phạm vi 10'. Chơi góc Toán/Phân vai: Trò chơi đi chợ mua sắm đồ vật số lượng 10, xếp hàng theo số thứ tự.	Phẩm chất: Trung thực (thực hiện chuẩn xác kết quả tách gộp thêm bớt). Năng lực: Tự lực (thao tác toán học độc lập trên que tính/đồ vật); Giải quyết vấn đề (tìm nhiều cách tách gộp khác nhau cho một số lượng).	CD3, CD4, CD5, CD6, CD7
MT45 (NT4.5, NT4.6, NT4.7)	Sử dụng các dụng cụ đo đơn giản để đo lường kích thước, dung tích của đồ vật và biểu thị kết quả; xác định vị trí của bản thân, sự vật khác trong không gian; sử dụng các mốc thời gian gắn với hoạt động cụ thể.	Kỹ năng đo lường: Dùng 1 đơn vị đo (thước ngắn, gang tay, cốc) để đo chiều dài bàn, đo dung tích chai nước và nói kết quả. Định hướng không gian: Phân biệt Tay trái - Tay phải của bản thân và của bạn đối diện. Xác định vị trí Phía trước, Phía sau, Phía trên, Phía dưới.	Hoạt động học (Toán): 'Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau', 'Đo dung tích nước', 'Xác định tay trái - tay phải'. Sử dụng Thời gian biểu lớp học và Lịch treo tường hằng ngày.	Phẩm chất: Trách nhiệm (đo lường cẩn thận không để hờ/chồng thước). Năng lực: Tự lực (xác định đúng hướng trái/phải cá nhân); Thích ứng (điều chỉnh hoạt động theo mốc thời gian trong ngày).	CD 4, CD 8, CD 10

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
		Thời gian: Phân biệt Sáng, Trưa, Chiều, Tối và Thứ trong tuần.			
MT46 (NT5.1, NT5.2, NT5.3)	Quan sát, thu thập thông tin để nhận ra vấn đề phát sinh; lựa chọn cách giải quyết vấn đề đơn giản dựa trên phán đoán của bản thân; sử dụng toán, khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.	Năng lực STEM giải quyết vấn đề: Phát hiện khó khăn (ví dụ: Thiếu rô đưng, bàn bị gập kênh, gạt nước bị đọng). Đưa ra ý tưởng phán đoán, dùng thước đo, kẹp gấp, kim nhựa hoặc xóp kê để xử lý sự cố.	Hoạt động trải nghiệm STEM: Dự án 'Làm màng lọc nước mini', 'Xây cầu qua sông từ que kem', 'Chế tạo ô che nắng', ... • Chơi góc Xây dựng/Khám phá: Giải quyết tình huống thiếu vật liệu xây dựng, giải quyết vấn đề thường đơn giản thường ngày.	Phẩm chất: Trách nhiệm (nỗ lực tìm cách giải quyết khó khăn cho cả nhóm); Trung thực (thừa nhận khi giải pháp thất bại để làm lại). Năng lực: Giải quyết vấn đề (ứng dụng kiến thức toán/khoa học xử lý tình huống); Hợp tác (phối hợp thực hiện giải pháp).	CD 4, CD 7, CD 8, CD 9
MT47 (NT6.1, NT6.2)	Thể hiện các hành động đơn giản phù hợp với con người, sự vật và hiện tượng trong môi trường gần gũi; điều chỉnh hành động cho phù hợp với đặc điểm và mối quan hệ giữa con người, sự vật và môi trường trong các tình huống hằng ngày.	Hành vi ứng xử văn minh với môi trường: Nhẹ nhàng với con vật nhỏ hiền lành (mèo, thỏ, chim). Bỏ rác đúng nơi quy định, tưới nước cho cây góc thiên nhiên. Mặc trang phục phù hợp thời tiết (mặc áo mưa khi trời mưa, mặc áo ấm khi trời lạnh).	Lao động chăm sóc góc thiên nhiên hằng ngày. Hoạt động ngoài trời: Trải nghiệm 'Sống xanh - Giữ gìn môi trường trường học Đức An sạch đẹp'. Sinh hoạt hằng ngày: Tự chuẩn bị trang phục cá nhân phù hợp thời tiết.	Phẩm chất: Yêu thương (yêu quý thiên nhiên, cây cối, động vật); Trách nhiệm (bảo vệ môi trường sống sạch đẹp). Năng lực: Thích ứng (tự điều chỉnh trang phục ứng phó thời tiết).	CD 5, CD 7, CD 9

5. Lĩnh vực Nghệ thuật

Mã MT	Mục tiêu giáo dục trẻ 5–6 tuổi	Mã YCCD đối chiếu	Nội dung giáo dục	Hoạt động/Hình thức tổ chức	Dự kiến thời gian/chủ đề
MT48 (NgT1.1, NgT1.2, NgT1.3, NgT1.4)	Thể hiện cảm xúc bằng các cách khác nhau (lời nói, hành động, cử chỉ, nét mặt) khi tiếp xúc với vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật; yêu thích, trân trọng sản phẩm nghệ thuật truyền thống của Việt Nam; nhận ra vẻ đẹp và tôn trọng sản phẩm của người	Cảm thụ cái đẹp: Biết dừng lại ngắm nhìn cảnh hoàng hôn, bông hoa nở, bức tranh đẹp. Thích thú hoa văn dân tộc bản địa Lâm Đồng. Tôn trọng sản phẩm nghệ thuật: Không xé bài vẽ của bạn, khen ngợi bài vẽ đẹp của bạn bằng lời nói lịch sự.	Thưởng thức nghệ thuật: Xem triển lãm tranh thiếu nhi, nghe bản nhạc không lời nhẹ nhàng. Hoạt động học: Tìm hiểu 'Họa tiết thổ cẩm và sản phẩm truyền thống địa phương'. Nhận xét sản phẩm bài học Tạo hình: Nêu điểm mình thích ở bài vẽ của bạn.	Phẩm chất: Yêu thương (cảm nhận cái đẹp và nuôi dưỡng tâm hồn); Tôn trọng (lắng nghe và khen ngợi sản phẩm nghệ thuật của bạn). Năng lực: Giao tiếp (bày tỏ cảm nhận tinh tế về bài vẽ/bản nhạc).	CD 1, CD 6, CD 10

	khác; thể hiện ý kiến phản hồi lịch sử.				
MT49 (NgT2.1, NgT2.2)	Nhớ tên bài hát, bản nhạc và nói về nội dung bài hát; nhận biết được tính chất âm nhạc: êm ả, nhẹ nhàng, vui vẻ, sôi động.	Khả năng cảm thụ âm nhạc: Nhớ tên tác phẩm, tác giả (nếu có). Nói được cảm nhận 'Bài hát này giai điệu rất vui tươi rộn ràng' hoặc 'Bản nhạc này êm ru như tiếng ru của mẹ'.	Hoạt động học (Âm nhạc): Nghe hát các tác phẩm 'Cho tôi đi làm mưa với', 'Chú voi con ở Bản Đôn', nghe nhạc cổ điển êm dịu. Chơi góc Âm nhạc: Nghe nhạc qua tai nghe, thảo luận cảm xúc bài hát.	Phẩm chất: Yêu thương (yêu thích nghệ thuật âm nhạc). Năng lực: Giao tiếp (diễn đạt cảm nhận cá nhân về giai điệu âm nhạc).	CD 1, CD 3, CD 6, CD 10
MT50 (NgT2.3, NgT2.4)	Nhận biết được nhịp điệu, tiết tấu và giai điệu bài hát, bản nhạc quen thuộc; phân biệt âm thanh cao - thấp, dài - ngắn, to - nhỏ, âm sắc của nhạc cụ, giọng hát - giọng nói.	Phân biệt đặc tính âm thanh: Âm thanh cao (tiếng chim hót) - Âm thanh thấp (tiếng trống trầm); Âm thanh to - nhỏ; Nhận diện âm sắc xác xô, phách tre, trống con, đàn organ.	Trò chơi âm thanh: 'Đoán tiếng hát của ai', 'Tai ai tinh' (đoán tên nhạc cụ qua âm sắc). Hoạt động học (Âm nhạc): Luyện tập phân biệt các cao độ và tiết tấu nhịp điệu bài hát.	Phẩm chất: Tôn trọng (chú ý lắng nghe âm thanh giọng hát của người khác). Năng lực: Thích ứng (phản xạ nhạy bén với các đặc tính âm thanh khác nhau); Giao tiếp (nhận diện âm thanh).	Xuyên suốt 10 CD
MT51 (NgT2.5)	Hát rõ lời, đúng giai điệu và thể hiện được sắc thái, tình cảm của bản thân khi hát.	Kỹ năng ca hát: Hát thuộc lời, lấy hơi đúng chỗ, hát đúng giai điệu, thể hiện tình cảm sắc thái (hân hoan, vui tươi, thiết tha) theo ca từ bài hát.	Hoạt động học (Âm nhạc - Dạy hát): Hát các bài hát trong chương trình ('Cháu yêu cô chú công nhân', 'Em đi qua ngã tư đường phố', 'Rời trường mầm non'). Văn nghệ sinh hoạt tập thể hằng ngày.	Phẩm chất: Yêu thương (gửi gắm tình cảm yêu thương qua ca từ bài hát). Năng lực: Giao tiếp (thể hiện cảm xúc bằng giọng hát tự tin); Tự lực (tự nhớ chuẩn xác giai điệu lời ca).	CD 1, CD 3, CD 4, CD 6, CD 10
MT52 (NgT2.6, NgT2.7)	Vận động cơ thể, nhảy múa phù hợp sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc; gõ, đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bài hát.	Kỹ năng vận động theo nhạc: Múa động tác mềm dẻo nhịp nhàng, vận động minh họa ca từ. Gõ đệm nhạc cụ: Sử dụng phách tre, xác xô, gõ đệm theo phách (1-1-1), gõ theo nhịp, gõ theo tiết tấu phối hợp ăn ý với bạn.	Hoạt động học (Âm nhạc - Vận động theo nhạc): Múa minh họa bài hát, gõ đệm phách/nhịp bằng phách tre/vỏ dừa. Chơi góc Âm nhạc: Luyện tập biểu diễn múa nhóm.	Phẩm chất: Tôn trọng (phối hợp nhịp nhàng theo nhịp múa chung của nhóm bạn). Năng lực: Hợp tác (kết nối động tác múa ăn ý với bạn); Giao tiếp (biểu đạt ngôn ngữ cơ thể theo giai điệu).	CD 2, CD 6, CD 7, CD 10
MT53 (NgT2.8)	Biểu diễn tiết mục âm nhạc một cách tự nhiên, tự tin trước nhóm bạn hoặc lớp học.	Sự tự tin biểu diễn: Tự nhiên bước lên sân khấu lớp, tự chọn đạo cụ (vòng múa, hoa đeo tay, nhạc cụ), tự tin thể hiện tiết mục cá nhân hoặc nhóm nhỏ.	Sân khấu văn nghệ lớp học: Tổ chức chương trình 'Trò chơi âm nhạc', 'Giọng hát nhí lớp 5 tuổi' định kỳ hằng tháng. Biểu diễn văn nghệ trong các ngày lễ hội của nhà trường.	Phẩm chất: Trách nhiệm (nghiêm túc tập luyện và biểu diễn trọn vẹn tiết mục). Năng lực: Giao tiếp (tự tin thể hiện bản thân trước đám đông); Tự	CD 1, CD 6, CD 10

				lực (tự chọn đạo cụ và phong cách biểu diễn).	
MT54 (NgT3.1)	Khám phá, thử nghiệm các vật liệu và cách thức tạo hình khác nhau trong các trải nghiệm nghệ thuật đa dạng.	Trải nghiệm nguyên vật liệu mở: Đất nặn, màu nước, lá cây khô, hạt cà phê, vỏ dừa, sợi len, đĩa giấy, vật liệu tái chế. Thử nghiệm kỹ thuật: In dấu lá cây, thổi màu nước, vò xé dán, gấp dán dính tạo hình 3D.	Hoạt động học (Tạo hình - Trải nghiệm): In tranh từ củ quả/lá cây, nặn gốm/đất màu, làm đồ chơi từ vật liệu thiên nhiên xã Đức An. Góc Nghệ thuật: Xưởng sáng tạo với đa dạng nguyên liệu mở.	Phẩm chất: Trách nhiệm (giữ an toàn khi dùng nguyên vật liệu, không bôi bẩn ra bàn/áo). Năng lực: Tự lực (tự do lựa chọn chất liệu tạo hình); Giải quyết vấn đề (thử nghiệm kết hợp nhiều vật liệu tạo sản phẩm mới).	CD 4, CD 5, CD 7, CD 9
MT55 (NgT3.2, NgT3.3)	Phối hợp đa dạng đường nét, màu sắc, bố cục, nguyên liệu và các kỹ năng tạo hình để tạo ra sản phẩm theo ý tưởng của bản thân; chia sẻ cảm nhận về sản phẩm nghệ thuật tạo hình (màu sắc, đường nét, hình ảnh, sự sắp xếp bố cục).	Kỹ năng tạo hình tổng hợp: Vẽ tranh phong cảnh có bố cục xa - gần cân đối, phối màu hài hòa (tông màu nóng/lạnh). Nặn chi tiết sống động. Xé dán bố cục hợp lý. Kỹ năng thuyết trình sản phẩm: Tự tin giới thiệu 'Bức tranh của con vẽ về...', giải thích lý do chọn màu sắc.	Hoạt động học (Tạo hình): Vẽ 'Trường mầm non Sơn Ca thân yêu', 'Cảnh đẹp quê hương Đức An', Nặn 'Con vật bé yêu'. Triển lãm tranh lớp học: Trẻ tự treo bài vẽ và đứng thuyết minh về sản phẩm cho cô và bạn nghe.	Phẩm chất: Trung thực (tự làm sản phẩm bằng sức mình, không chép bài bạn); Tôn trọng (lắng nghe lời góp ý về sản phẩm). Năng lực: Giao tiếp (thuyết trình tự tin về ý tưởng bức tranh); Tự lực (thực hiện hoàn chỉnh sản phẩm).	CD 3, CD 4, CD 6, CD 7, CD 10
MT56 (NgT4.1, NgT4.2)	Nói về những gì thể hiện trong vở kịch (nhân vật, âm thanh, trang phục...) theo suy nghĩ và cảm xúc; thể hiện được vai diễn của nhân vật trong vở kịch (qua giọng điệu, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, lời thoại).	Cảm thụ và nhập vai kịch: Hiểu bối cảnh kịch, nhận biết trang phục đạo cụ nhân vật. Hóa thân vào vai diễn: Nhái giọng cáo gian ác, giọng thỏ ngây thơ, sử dụng nét mặt và cử chỉ cơ thể mô phỏng nhân vật sống động.	Hoạt động học (Văn học - Đóng kịch): Đóng kịch các vở truyện 'Củ cải trắng', 'Đê đen và Đê trắng', 'Sơn Tinh Thủy Tinh'. Chơi góc Kịch: Tự chọn mũ nhân vật và đóng kịch rồi ngón tay/rời que.	Phẩm chất: Tôn trọng (tôn trọng kịch bản và bạn diễn cùng). Năng lực: Giao tiếp (thể hiện lời thoại diễn cảm); Hợp tác (phối hợp tung hứng lời thoại với bạn diễn); Thích ứng (hóa thân linh hoạt vào các vai diễn).	CD 3, CD 5, CD 6, CD 10
MT57 (NgT5.1)	Tự tạo ra âm thanh có tính nhạc theo những cách khác nhau.	Sáng tạo âm thanh: Tự gõ thìa gỗ, gõ gáo dừa, vỗ tay, gõ chai nhựa chứa hạt đỗ tạo thành chuỗi tiết tấu nhịp điệu vui tai đệm cho bài hát.	Chơi góc Âm nhạc: Trò chơi 'Chế tạo nhạc cụ kỳ diệu' từ phế liệu sạch. Hoạt động học: Tự sáng tạo âm thanh gõ đệm cho bài hát quen thuộc.	Phẩm chất: Trách nhiệm (bảo quản đồ dùng tự chế, tận dụng phế liệu tiết kiệm). Năng lực: Giải quyết vấn đề (chọn vật liệu tạo ra âm thanh có độ trầm/bổng/vang mong muốn); Tự lực (tự sáng tạo tiết tấu).	CD 4, CD 9
MT58 (NgT5.2)	Nhảy, múa, vận động ngẫu hứng theo bài hát, bản	Múa ngẫu hứng sáng tạo: Tự nghĩ ra các động tác nhảy múa giải phóng cơ thể theo bản	Hoạt động Cảm thụ âm nhạc: Nhảy múa tự do theo giai điệu bản nhạc	Phẩm chất: Tôn trọng (tôn trọng vũ điệu ngẫu hứng cá tính của mỗi bạn).	CD 1, CD 6, CD 10

	nhạc và nói được ý tưởng của bản thân.	nhạc không lời, sử dụng dải lụa/vòng múa. Giải thích ý tưởng: 'Con múa động tác này giống như sóng biển dâng cao'.	'Mùa xuân', 'Vũ điệu rừng xanh'. Chơi góc Âm nhạc: Sáng tạo điệu múa nhóm.	Năng lực: Giao tiếp (chia sẻ ý tưởng chuyển động qua cơ thể và lời nói); Tự lực (bộc lộ cảm xúc nghệ thuật phóng khoáng).	
MT59 (NgT6.1, NgT6.2, NgT6.3)	Tạo ra sản phẩm thể hiện sự mới mẻ, độc đáo về ý tưởng, cách thức thực hiện và đặt tên cho sản phẩm; lấy cảm hứng từ phong cách nghệ thuật/thủ công để sáng tạo; sử dụng sản phẩm nghệ thuật tạo hình để trang trí làm đẹp môi trường xung quanh.	Sáng tạo nghệ thuật độc đáo: Tạo ra sản phẩm mang dấu ấn cá nhân không đụng hàng. Lấy cảm hứng từ tranh dân gian Đông Hồ, vẽ họa tiết nón lá, nặn gốm. Ứng dụng nghệ thuật: Treo tranh của trẻ để trang trí góc lớp học.	Hoạt động học (Tạo hình sáng tạo): Trang trí quạt giấy, vẽ hoa văn nón lá, làm đồ chơi từ lá dừa. Trang trí môi trường lớp học: Cùng cô treo các sản phẩm tạo hình đẹp lên góc gạch/kệ trưng bày.	Phẩm chất: Trách nhiệm (đóng góp sản phẩm cá nhân làm đẹp không gian chung của lớp). Năng lực: Tự lực (tự thể hiện ý tưởng độc đáo không rập khuôn); Thích ứng (ứng dụng sản phẩm vào trang trí môi trường sống).	CD 4, CD 6, CD 10
MT60 (NgT7.1, NgT7.2, NgT7.3)	Tự lựa chọn trang phục, dụng cụ đóng vai; thay đổi lời thoại, trang phục, đạo cụ... để thể hiện vai diễn theo ý tưởng riêng; độc lập hoặc phối hợp với bạn 'sáng tác' ra 'câu chuyện' để diễn xuất.	Sáng tác và diễn kịch sáng tạo: Cùng nhóm bạn tự bàn nhau nghĩ ra cốt truyện ngắn, tự phân vai, tự chọn trang phục đạo cụ và tự biến đổi lời thoại kịch tự nhiên.	Góc Sân khấu kịch sáng tạo: Dự án 'Nhà kịch nhí lớp Lá' - Trẻ tự dựng kịch bản kịch rồi và biểu diễn cho cả lớp xem. Hoạt động trải nghiệm tổng kết chủ đề.	Phẩm chất: Tôn trọng (lắng nghe và thỏa thuận ý tưởng kịch bản với nhóm bạn). Năng lực: Hợp tác (cùng xây dựng và tung hứng diễn xuất); Giải quyết vấn đề (xử lý tình huống phát sinh trên sân khấu); Giao tiếp (biến đổi lời thoại kịch).	CD 3, CD 5, CD 6, CD 10

VII. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC

1. Tổ chức hoạt động

Tổ chức linh hoạt các hoạt động giáo dục theo cá nhân, nhóm nhỏ và cả lớp; kết hợp hoạt động trong lớp, ngoài trời, hoạt động trải nghiệm, vui chơi, khám phá và các hoạt động trong sinh hoạt hằng ngày. Tăng cường cho trẻ được lựa chọn, thực hành, trải nghiệm và tương tác với môi trường, bạn bè, giáo viên; vận dụng linh hoạt điều kiện thực tế của từng điểm trường, đặc điểm văn hóa địa phương và nhu cầu, khả năng của từng trẻ.

2. Phương pháp giáo dục

Vận dụng linh hoạt các phương pháp trực quan – thực hành, trải nghiệm – khám phá, đàm thoại – gợi mở, nêu vấn đề – giải quyết vấn đề, chơi và học thông qua chơi; chú trọng khuyến khích trẻ chủ động, tích cực, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào các tình huống thực tế.

3. Môi trường giáo dục

Xây dựng môi trường lớp học an toàn, mở, linh hoạt, bố trí các khu vực, góc hoạt động phù hợp với nhu cầu và khả năng của trẻ; đa dạng đồ dùng, học liệu, ưu tiên vật liệu mở, vật liệu tự nhiên và sản phẩm của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ lựa chọn, thực hành, trải nghiệm, khám phá và sáng tạo.

Khai thác sân chơi, thiên nhiên, cây xanh, vườn trường và các khu vực phù hợp để tổ chức cho trẻ vui chơi, vận động, quan sát, khám phá và trải nghiệm; tận dụng điều kiện tự nhiên, văn hóa và nguồn vật liệu sẵn có của địa phương, phù hợp với điều kiện từng điểm trường.

Xây dựng môi trường an toàn, thân thiện, tôn trọng và yêu thương; giáo viên lắng nghe, khuyến khích trẻ bày tỏ ý kiến, lựa chọn và thể hiện bản thân; tạo cơ hội cho trẻ giao tiếp, hợp tác, chia sẻ, tự tin, tự lực và giải quyết vấn đề, tôn trọng sự khác biệt và nhu cầu của từng trẻ.

4. Ứng dụng công nghệ và học liệu số

Sử dụng linh hoạt, phù hợp công nghệ thông tin và học liệu số trong xây dựng kế hoạch, thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục; khai thác hình ảnh, video, âm thanh, phần mềm và học liệu số phù hợp để tạo tình huống, hỗ trợ trẻ quan sát, khám phá, trải nghiệm, giao tiếp và giải quyết vấn đề. Khuyến khích giáo viên xây dựng, chia sẻ và sử dụng học liệu số phù hợp với đặc điểm trẻ 5–6 tuổi, điều kiện từng điểm trường và văn hóa địa phương; bảo đảm thời lượng, nội dung sử dụng thiết bị phù hợp, an toàn và hiệu quả đối với trẻ.

5. Giáo dục hòa nhập, phân hóa và hỗ trợ cá nhân

Tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, tôn trọng sự khác biệt, bảo đảm mọi trẻ đều được tham gia và có cơ hội phát triển. Quan sát, nhận diện nhu cầu và khả năng của từng trẻ; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và học liệu phù hợp, tăng cường hỗ trợ cá nhân, khuyến khích trẻ giao tiếp, hợp tác, tự tin và tham gia các hoạt động cùng bạn. Phối hợp với gia đình trong chăm sóc, giáo dục và hỗ trợ trẻ hòa nhập.

VIII. THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá được thực hiện tự nhiên, thường xuyên trong sinh hoạt, chơi và hoạt động giáo dục nhằm nhận biết mức độ tham gia, tiến bộ, khó khăn và khả năng vận dụng kinh nghiệm của trẻ. Minh chứng được thu thập từ quan sát, trò chuyện, quá trình/sản phẩm hoạt động, tình huống thực tế, phản hồi của trẻ, thông tin sức khỏe và trao đổi với gia đình; không thi, không xếp hạng và không kết luận từ một lần thực hiện.

Cuối mỗi tháng/chủ đề, giáo viên rà soát mục tiêu đã được tạo đủ cơ hội, mục tiêu cần tiếp tục củng cố, hứng thú mới và trẻ cần hỗ trợ riêng để điều chỉnh kế hoạch tiếp theo. Cuối học kỳ và cuối năm, tổ khối đối chiếu lại 60 MT với 131 YCCD theo ma trận; một minh chứng có thể liên quan nhiều YCCD và một YCCD cần được quan sát ở nhiều bối cảnh/thời điểm.

Nội dung theo đối	Minh chứng chủ yếu	Thời điểm	Sử dụng kết quả
Mức độ tham gia, tiến bộ theo MT/YCCD và khả năng vận dụng	Quan sát, trò chuyện, sản phẩm/quá trình, tình huống thực tế	Hàng ngày; rà soát cuối tháng/chủ đề	Điều chỉnh mức hỗ trợ, học liệu, hình thức, thời điểm và mục tiêu trọng tâm
Sức khỏe, ăn – ngủ – vệ sinh, tự phục vụ và an toàn	Theo dõi sức khỏe; quan sát chế độ sinh hoạt; trao đổi gia đình	Thường xuyên; theo định kỳ chuyên môn	Phối hợp chăm sóc, hỗ trợ cá nhân và phòng ngừa nguy cơ
Cảm xúc, quan hệ xã hội, hòa nhập và nhu cầu hỗ trợ riêng	Nhật ký/phiếu quan sát; tình huống giao tiếp – chơi; phản hồi gia đình	Trong quá trình; khi có dấu hiệu cần hỗ trợ	Điều chỉnh môi trường, nhóm bạn, cách giao nhiệm vụ; phối hợp BGH và gia đình
Độ bao phủ 60 MT/131 YCCD và mức sẵn sàng chuyển tiếp	Ma trận MT–YCCD; hồ sơ minh chứng; tổng hợp tiến bộ của trẻ	Giữa năm; cuối năm	Xác định nội dung cần củng cố, bàn giao/chuyển tiếp và cải tiến kế hoạch

IX. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN NĂM HỌC 2026–2027

Các chủ đề được xây dựng theo hướng mở, gần gũi với đời sống của trẻ, tạo cơ hội tích hợp nhiều lĩnh vực và có thể linh hoạt mở rộng từ câu hỏi, hứng thú, trải nghiệm thực tế của trẻ. Việc lựa chọn nội dung cụ thể trong từng tuần căn cứ mục tiêu năm học, YCCD của Chương trình, điều kiện thực tế và các sự kiện phù hợp.

1. Dự kiến các chủ đề lớn

TT	Chủ đề lớn	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Ngôi trường hạnh phúc – Bé cùng	3	07/09–25/09/2026

	khám phá		
2	Tôi là duy nhất – Lớn lên khỏe mạnh	4	28/09–23/10/2026
3	Nơi yêu thương bắt đầu	4	26/10–20/11/2026
4	Những bàn tay làm nên cuộc sống	5	23/11–25/12/2026
5	Những người bạn trong thế giới muôn loài	5	28/12/2026–29/01/2027
6	Sắc xuân – Tết Việt trong mắt bé	3	01/02–26/02/2027
7	Từ hạt mầm đến khu vườn xanh	4	01/03–26/03/2027
8	Cùng bé đi muôn nơi – An toàn mỗi hành trình	2	29/03–09/04/2027
9	Bí mật của nước và bầu trời	2	12/04–23/04/2027
10	Việt Nam trong trái tim bé – Sẵn sàng vào lớp Một	3	26/04–14/05/2027

2. Dự kiến phân phối 35 tuần thực hiện

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
1	07/09–11/09/2026	Ngôi trường hạnh phúc – Bé cùng khám phá	Ngày hội của chúng mình – Khởi đầu vui vẻ	Làm quen trường, lớp, cô và bạn; nhận biết các khu vực quen thuộc; thực hành quy định, nề nếp và kỹ năng an toàn; chia sẻ cảm xúc khi trở lại trường.	Khai giảng 05/09/2026
2	14/09–18/09/2026	Ngôi trường hạnh phúc – Bé cùng khám phá	Trường – Lớp thân yêu	Khám phá các khu vực, đồ dùng và hoạt động trong trường; xác định chức năng một số không gian; thực hành giữ gìn lớp	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				học; cùng xây dựng “lớp học thân thiện”.	
3	21/09–25/09/2026	Ngôi trường hạnh phúc – Bé cùng khám phá	Trăng rằm yêu thương	Tìm hiểu đặc trưng Trung thu; khám phá đèn lồng, bánh, trăng và hoạt động vui hội; thiết kế, tạo sản phẩm Trung thu.	Tết Trung thu
4	28/09–02/10/2026	Tôi là duy nhất – Lớn lên khỏe mạnh	Tôi là duy nhất	Nhận biết đặc điểm, sở thích, khả năng của bản thân; gọi tên cảm xúc; nhận biết điểm giống và khác nhau giữa mình và bạn; thể hiện sự tự tin và tôn trọng khác biệt.	
5	05/10–09/10/2026	Tôi là duy nhất – Lớn lên khỏe mạnh	Cơ thể kỳ diệu của tôi	Khám phá các bộ phận và giác quan; nhận biết chức năng cơ bản; trải nghiệm các giác quan; thực hành giữ gìn vệ sinh và bảo vệ cơ thể.	
6	12/10–16/10/2026	Tôi là duy nhất – Lớn lên khỏe mạnh	Bí quyết để lớn lên khỏe mạnh	Khám phá nhu cầu ăn uống, vận động, nghỉ ngơi, vệ sinh; nhận biết thực phẩm có lợi; thực hành lựa chọn thói quen có lợi cho sức	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				khỏe; tự phục vụ phù hợp.	
7	19/10–23/10/2026	Tôi là duy nhất – Lớn lên khỏe mạnh	Yêu thương dành cho bà, mẹ và cô	Khám phá ý nghĩa yêu thương và biết ơn; nhận biết những người phụ nữ gần gũi; lựa chọn ý tưởng và tạo món quà; thể hiện tình cảm bằng lời nói và hành động.	Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10
8	26/10–30/10/2026	Nơi yêu thương bắt đầu	Gia đình của bé – Yêu thương và chia sẻ	Nhận biết thành viên, mối quan hệ và hoạt động gia đình; thể hiện tình cảm; thực hành chia sẻ, giúp đỡ; kể về gia đình của mình..	
9	02/11–06/11/2026	Nơi yêu thương bắt đầu	Ngôi nhà an toàn, ấm áp	Nhận biết không gian trong nhà; phát hiện một số nguy cơ mất an toàn; thực hành cách xử lý tình huống phù hợp; hình thành thói quen tự bảo vệ.	
10	09/11–13/11/2026	Nơi yêu thương bắt đầu	Đồ dùng thông minh trong gia đình	Nhận biết công dụng một số đồ dùng; phân loại theo chất liệu/công dụng; thực hành sử dụng đúng cách; nhận biết đồ dùng	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				cần người lớn hỗ trợ.	
11	16/11–20/11/2026	Nơi yêu thương bắt đầu	Lời yêu thương gửi cô giáo	Tìm hiểu công việc cô giáo; biểu đạt cảm xúc, lời cảm ơn; hợp tác tạo sản phẩm/tình huống nghệ thuật không gây áp lực biểu diễn.	Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
12	23/11–27/11/2026	Những bàn tay làm nên cuộc sống	Từ ruộng đồng đến bữa ăn	Khám phá nghề nông, nguồn gốc thực phẩm, quá trình tạo sản phẩm; quan sát, đặt câu hỏi, phân loại và trân trọng lao động.	
13	30/11–04/12/2026	Những bàn tay làm nên cuộc sống	Từ đôi tay đến sản phẩm	Khám phá một số nghề sản xuất, công cụ, nguyên liệu, quy trình; trải nghiệm chế tạo/sắp xếp sản phẩm đơn giản.	
14	07/12–11/12/2026	Những bàn tay làm nên cuộc sống	Những nghề phục vụ cộng đồng	Tìm hiểu nghề y tế, dịch vụ, công an, bán hàng...; thực hành giao tiếp, đóng vai, xử lý tình huống và tôn trọng người lao động.	
15	14/12–18/12/2026	Những bàn tay làm nên cuộc sống	Mỗi nghề một điều hay	Trẻ lựa chọn nghề muốn khám phá, tìm thông tin bằng quan sát/trò chuyện/hình ảnh, chia sẻ kết quả bằng	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				lời nói hoặc sản phẩm.	
16	21/12–25/12/2026	Những bàn tay làm nên cuộc sống	Chú bộ đội – Người gìn giữ bình yên	Trải nghiệm câu chuyện, hình ảnh, vận động, nghệ thuật về người chiến sĩ; giáo dục hòa bình, trách nhiệm và hợp tác.	Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12
17	28/12/2026–01/01/2027	Những người bạn trong thế giới muôn loài	Vật nuôi – Những người bạn gần gũi	Nhận biết đặc điểm, thức ăn, nơi sống của vật nuôi; phân biệt cách di chuyển; thể hiện tình yêu và trách nhiệm chăm sóc vật nuôi an toàn.	Tết Dương lịch
18	04/01–08/01/2027	Những người bạn trong thế giới muôn loài	Bí mật dưới mặt nước	Khám phá sự đa dạng, môi trường sống, vận động của sinh vật nước; đo, đếm, phân loại trong tình huống chơi và khám phá.	
19	11/01–15/01/2027	Những người bạn trong thế giới muôn loài	Những cư dân của rừng xanh	Khám phá đặc điểm và môi trường sống của một số động vật rừng; nhận biết mối quan hệ giữa con vật và môi trường; hình thành ý thức bảo vệ động vật, thiên nhiên.	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
20	18/01– 22/01/ 2027	Những người bạn trong thế giới muôn loài	Những đôi cánh trên bầu trời	Quan sát chim và một số loài biết bay; so sánh cấu tạo, vận động, âm thanh; sáng tạo nghệ thuật từ trải nghiệm.	
21	25/01– 29/01/ 2027	Những người bạn trong thế giới muôn loài	Thế giới côn trùng kỳ thú	Khám phá côn trùng và sinh vật nhỏ gần gũi; quan sát đặc điểm, cách di chuyển; phân biệt một số loài có lợi/cần tránh; thực hành quan sát an toàn.	
22	01/02– 05/02/ 2027	Sắc xuân – Tết Việt trong mắt bé	Bé rộn ràng đón Tết	Khám phá một số nét văn hóa Tết; món ăn, hoa, hoạt động và phong tục quen thuộc; thực hành chuẩn bị không gian Tết; chia sẻ lời chúc và tình cảm với gia đình.	Tết Nguyên đán;
23	15/02– 19/02/ 2027	Sắc xuân – Tết Việt trong mắt bé	Tết trong trải nghiệm của bé	Chia sẻ trải nghiệm ngày Tết, so sánh, phân loại, tạo hình, kể chuyện và thực hành thói quen khỏe mạnh.	
24	22/02– 26/02/ 2027	Sắc xuân – Tết Việt trong mắt bé	Xuân mới – Điều tốt đẹp quanh em	Quan sát thay đổi mùa xuân; hoạt động hợp tác, bảo vệ môi trường; khơi	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				lại nề nếp sau kỳ nghỉ.	
25	01/03– 05/03/ 2027	Từ hạt mầm đến khu vườn xanh	Hạt mầm thức giấc	Gieo hạt, dự đoán, quan sát, đo, ghi lại thay đổi; tìm hiểu điều kiện cây sống; phân công chăm sóc và giải quyết tình huống.	
26	08/03– 12/03/ 2027	Từ hạt mầm đến khu vườn xanh	Hoa yêu thương và ngày 8/3	Khám phá hoa bằng nhiều giác quan; tạo sản phẩm nghệ thuật có ý tưởng riêng; thể hiện quan tâm, lời chúc và sự tôn trọng.	Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03
27	15/03– 19/03/ 2027	Từ hạt mầm đến khu vườn xanh	Trái ngọt quanh em	Khám phá quả, dinh dưỡng, số lượng, kích thước, đo/số sánh; trải nghiệm món ăn/đồ uống đơn giản và thu dọn.	
28	22/03– 26/03/ 2027	Từ hạt mầm đến khu vườn xanh	Vườn rau xanh của bé	Trồng/chăm sóc rau, quan sát thay đổi, bảo vệ môi trường; làm việc nhóm và sử dụng toán/khoa học vào nhiệm vụ thực tế.	
29	29/03– 02/04/ 2027	Cùng bé đi muôn nơi – An toàn mỗi hành trình	Bé tham gia giao thông an toàn	Thực hành nhận biết biển báo, tín hiệu giao thông và hành vi an toàn; xử lý một số tình huống; hình thành	

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				trách nhiệm với bản thân và người khác.	
30	05/04–09/04/2027	Cùng bé đi muôn nơi – An toàn mỗi hành trình	Những chuyến đi thú vị	Khám phá các phương tiện đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không; so sánh đặc điểm và nơi hoạt động; lựa chọn phương tiện phù hợp tình huống.	
31	12/04–16/04/2027	Bí mật của nước và bầu trời	Hành trình của giọt nước	Khám phá trạng thái và vòng tuần hoàn đơn giản của nước; quan sát sự thay đổi của nước; trải nghiệm dòng chảy; nhận biết vai trò của nước.	Giỗ Tổ Hùng Vương
32	19/04–23/04/2027	Bí mật của nước và bầu trời	Bầu trời và những điều kỳ diệu	Quan sát thời tiết, ánh sáng, không khí, ngày/đêm; dự đoán và giải thích mối quan hệ đơn giản; lựa chọn hoạt động/trang phục phù hợp.	
33	26/04–30/04/2027	Việt Nam trong trái tim bé – Sẵn sàng vào lớp Một	Hành trang vào lớp 1	Khám phá trường tiểu học; nhận biết một số điểm giống/khác với trường mầm non; tìm hiểu hoạt động,	Ngày 30/4; 1/5

Tuần	Thời gian	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh/trải nghiệm	Trọng tâm giáo dục	Sự kiện/ghi chú
				không gian và đồ dùng học tập. Củng cố kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, tự tin, quản lý đồ dùng và thực hiện nhiệm vụ; xử lý một số tình huống khi vào lớp Một; chia sẻ mong muốn và cảm xúc.	
34	03/05–07/05/2027	Việt Nam trong trái tim bé – Sẵn sàng vào lớp Một	Lâm Đồng – Đức An vào hội	Khám phá cảnh quan, văn hóa và một số nét đặc trưng gần gũi của Lâm Đồng- Đức An; tìm hiểu hoạt động cộng đồng; thể hiện niềm tự hào và tình yêu quê hương.	
35	10/05–14/05/2027	Việt Nam trong trái tim bé – Sẵn sàng vào lớp Một	Việt Nam – Đất nước em yêu	Tìm hiểu biểu tượng, văn hóa, cảnh đẹp Việt Nam ở mức gần gũi; thể hiện tình yêu quê hương qua lời nói, sản phẩm và hành động phù hợp.	Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của tổ khối

Triển khai, quán triệt nội dung kế hoạch đến các thành viên trong tổ; hướng dẫn giáo viên xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ 5–6 tuổi

và điều kiện từng điểm trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm; thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và cách đánh giá trẻ theo định hướng chương trình thí điểm. Theo dõi, kiểm tra, hỗ trợ và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của giáo viên; kịp thời điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp. Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; báo cáo Ban Giám hiệu và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn.

2. Trách nhiệm của giáo viên

Căn cứ kế hoạch của tổ và đặc điểm trẻ, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của lớp phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt. Chủ động tổ chức các hoạt động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ chơi, trải nghiệm, khám phá, giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề. Theo dõi, đánh giá sự phát triển và tiến bộ của từng trẻ; điều chỉnh hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, đặc biệt quan tâm trẻ cần hỗ trợ và trẻ dân tộc thiểu số. Phối hợp với cha mẹ trẻ trong chăm sóc, giáo dục và chuẩn bị cho trẻ chuyển tiếp vào lớp Một.

Chia sẻ học liệu, kinh nghiệm và phối hợp hỗ trợ đồng nghiệp giữa các điểm trường, và không dạy trước chương trình lớp Một.

3. Phối hợp với cha mẹ trẻ và cộng đồng

Tổ trưởng và giáo viên phối hợp với Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, cha mẹ trẻ và cộng đồng; chủ động khai thác điều kiện, nguồn lực của từng điểm trường và địa phương để thực hiện hiệu quả kế hoạch, bảo đảm phù hợp với đặc điểm trẻ 5–6 tuổi và yêu cầu của chương trình thí điểm.

4. Rà soát, điều chỉnh và báo cáo

Định kỳ giáo viên rà soát việc thực hiện kế hoạch, mục tiêu và yêu cầu cần đạt; căn cứ kết quả theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế tại từng điểm trường để kịp thời điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức và biện pháp giáo dục cho phù hợp. Tổng hợp kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp; báo cáo tổ trưởng, Ban Giám hiệu theo quy định.

**NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH
TỔ KHỐI TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)**



Lê Thị Hàn Ny

**PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu)**



Nguyễn Thị Thanh Huyền